

**HỌC VIỆN NGOẠI GIAO
KHOA KINH TẾ QUỐC TẾ**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ**

Hà Nội, tháng 8 năm 2020

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH.....	1
1. Ngành đào tạo.....	1
2. Tên văn bằng	1
3. Cơ sở cấp bằng	1
4. Cơ sở tổ chức giảng dạy	1
5. Căn cứ xây dựng và điều chỉnh Chương trình	1
5.1. Căn cứ pháp lý	1
5.2. Căn cứ thực tiễn	2
6. Tiêu chí tuyển sinh	3
7. Thời gian đào tạo	3
8. Điều kiện tốt nghiệp	3
9. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	4
10. Cơ hội học tập ở các chương trình đào tạo tương đương hoặc bậc cao hơn	4
II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA, CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO; PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ.....	5
1. Mục tiêu	5
1.1. Mục tiêu chung.....	5
1.2. Mục tiêu cụ thể.....	5
2. Chuẩn đầu ra.....	6
3. Phương pháp, hình thức tổ chức giảng dạy, học tập.....	9
4. Phương pháp đánh giá	10
4.1. Đánh giá học phần.....	10
4.2. Đánh giá kết quả học tập	11
4.3. Thang điểm.....	11
5. Khối lượng kiến thức toàn khóa.....	11
III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	12
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	12
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	12
3. Kiến thức ngoại ngữ	14
4. Học phần kỹ năng	15
5. Kiến thức tốt nghiệp	15
6. Ma trận sự đóng góp của mỗi học phần vào việc đạt được Chuẩn đầu ra.....	16

IV. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY DỰ KIẾN	20
V. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN.....	24
1. KHÓI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	24
1.1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN	24
1.2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN.....	24
1.3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC	25
1.4. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	25
1.5. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	26
1.6. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG.....	26
1.7. TIN HỌC	27
1.8. GIÁO DỤC THỂ CHẤT.....	27
1.9. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG	28
2. KHÓI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	28
2.1. KINH TẾ VI MÔ 1	28
2.2. KINH TẾ VĨ MÔ 1	29
2.3. TOÁN CAO CẤP	29
2.4. QUAN HỆ KINH TẾ QUỐC TẾ.....	30
2.5. KINH TẾ ĐỐI NGOẠI VIỆT NAM	30
2.6. LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ.....	31
2.7. XÁC SUẤT THỐNG KÊ	32
2.8. KINH TẾ VI MÔ 2	32
2.9. KINH TẾ VĨ MÔ 2	33
2.10. KINH TẾ LƯỢNG.....	33
2.11. KẾ TOÁN.....	34
2.12. THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ.....	34
2.13. TÀI CHÍNH QUỐC TẾ	35
2.14. QUẢN TRỊ KINH DOANH.....	36
2.15. TIỀN TỆ NGÂN HÀNG	36
2.16. ĐỊA KINH TẾ	37
2.17. THANH TOÁN QUỐC TẾ.....	38
2.18. MARKETING QUỐC TẾ	38
2.19. GIAO DỊCH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	39
2.20. LOGISTICS	40
2.21. LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ.....	40

2.22. THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	41
2.23. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH.....	41
2.24. TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	42
2.25. ĐẦU TƯ QUỐC TẾ	43
2.26. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN.....	43
2.27. KIỂM TOÁN.....	44
2.28. TÀI CHÍNH CÔNG	44
2.29. CHÍNH SÁCH CÔNG	45
2.30. KINH TẾ PHÁT TRIỂN	46
2.31. KINH TẾ CÔNG CỘNG	46
2.32. KINH TẾ KHU VỰC	47
2.33. CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI VIỆT NAM TỪ 1975 ĐẾN NAY	47
2.34. LỊCH SỬ QUAN HỆ QUỐC TẾ HIỆN ĐẠI (1945-NAY)	48
2.35. CÔNG TÁC NGOẠI GIAO.....	49
2.36. CÔNG PHÁP QUỐC TẾ.....	49
2.37. LUẬT HIẾN PHÁP VIỆT NAM VÀ CÁC NƯỚC.....	50
2.38. TRUYỀN THÔNG QUỐC TẾ	50
2.39. NGOẠI GIAO VĂN HÓA	51
3. KIẾN THỨC NGOẠI NGỮ.....	52
3.1. TIẾNG ANH CƠ SỞ I	52
3.2. TIẾNG ANH CƠ SỞ II	52
3.3. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO I	53
3.4. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO II	54
3.5. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO III	54
3.6. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO IV	55
3.7. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO V	55
4. HỌC PHẦN KỸ NĂNG	56
4.1. NGOẠI GIAO KINH TẾ	56
4.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC KINH TẾ	57
4.3. KỸ NĂNG QUẢN LÝ VÀ LÃNH ĐẠO.....	57
4.4. KỸ NĂNG VIẾT BÁO CÁO	57
4.5. KỸ NĂNG TƯ DUY PHẢN BIỆN	58
5. KIẾN THỨC TỐT NGHIỆP	59
5.1. HƯỚNG NGHIỆP	59

5.2. THỰC TẬP TỐT NGHIỆP	59
5.3. TỐT NGHIỆP	60
5.3.1. KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP.....	60
5.3.2. PHƯƠNG PHÁP THỰC HÀNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	60
5.3.3. ĐỀ ÁN THỰC TẬP.....	61

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CỬ NHÂN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1. Ngành đào tạo: Kinh tế quốc tế

Mã ngành: 7310106

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

2. Tên văn bằng: Bằng Cử nhân ngành Kinh tế quốc tế

3. Cơ sở cấp bằng: Học viện Ngoại giao

4. Cơ sở tổ chức giảng dạy: Khoa Kinh tế Quốc tế, Học viện Ngoại giao

5. Căn cứ xây dựng và điều chỉnh Chương trình

5.1. Căn cứ pháp lý

- Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018.
 - Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
 - Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.
 - Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

- Thông tư số 24/2007/TT-BGDĐT ngày 10/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học.

- Thông tư số 03/2014/TT-BTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

- Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

- Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Quyết định số 07/2019/QĐ-TTg ngày 15/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Ngoại giao trực thuộc Bộ Ngoại giao.

5.2. Căn cứ thực tiễn

- Quyết định số 733/QĐ-HVNG ngày 19/8/2019 của Giám đốc Học viện Ngoại giao ban hành Chiến lược phát triển Học viện Ngoại giao giai đoạn 2019-2029.

- Quyết định số 1269/QĐ-HVNG ngày 27/12/2018 của Giám đốc Học viện Ngoại giao ban hành Sứ mệnh, Tầm nhìn và Văn hóa của Học viện Ngoại giao.

- Quyết định số 538/QĐ-HVNG ngày 12/9/2014 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ.

- Tham khảo (1) Chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế Quốc tế Đại học British Columbia (Canada)¹; (2) Chương trình đào tạo cử nhân đại học ngành

¹ Bachelor of International Economics, Faculty of Arts, Vancouver School of Economics, the University of British Columbia. <https://economics.ubc.ca/undergraduate/programs/bachelor-of-international-economics/#:~:text=Bachelor%20of%20International%20Economics%20%7C%20VSE%20at%20UBC&text=The%20Bachelor%20of%20International%20Economics,%2C%20cohort%2Dbased%20degree%20program>.

Kinh tế Quốc tế Đại học Jönköping (Thụy Điển)²; (3) Chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế Quốc tế và (4) cử nhân ngành Kinh tế đối ngoại của Trường Đại học Ngoại thương; (5) Chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế Quốc tế của Trường Đại học Kinh tế quốc dân; (6) Chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế Quốc tế của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội để tham chiếu.

- Kết quả khảo sát các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức phi lợi nhuận, các doanh nghiệp năm 2020 cho thấy đa số các cơ quan tham gia khảo sát đánh giá ngành Kinh tế quốc tế rất cần thiết cho sự phát triển xã hội. Rất nhiều cơ quan tham gia khảo sát cho rằng họ có nhu cầu tuyển dụng đối với sinh viên ngành Kinh tế quốc tế.

6. Tiêu chí tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Học viện Ngoại giao.

7. Thời gian đào tạo

Tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ, thời gian thiết kế là 04 năm bao gồm cả thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp, được chia làm 08 học kỳ.

8. Điều kiện tốt nghiệp

Cuối mỗi khóa học, sinh viên có đủ các điều kiện sau đây sẽ được xét và công nhận tốt nghiệp:

STT	Điều kiện	Tiêu chí thực hiện
1	Phẩm chất đạo đức	Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập trở lên.
2	Kết quả học tập	- Tích lũy đủ số học phần quy định của ngành đào tạo.

² International Economics, Jönköping University. <https://ju.se/en/study-at-ju/our-programmes/bachelor-programmes/international-economics.html>

		- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học phải đạt từ 2.00 trở lên.
3	Ngoại ngữ	Có chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế theo quy định của Học viện.
4	Tin học	Theo quy định của Học viện.
5	Giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất	<ul style="list-style-type: none"> - Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh. - Hoàn thành học phần Giáo dục thể chất theo quy định của Học viện.
6	Học phí	Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của Học viện.
7	Thư viện	Hoàn trả sách, tài liệu... theo quy định của Học viện.
8	Trách nhiệm cộng đồng	Đạt đủ Điểm hoạt động cộng đồng theo quy định của Học viện.

9. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc tại:

- Khối các cơ quan nhà nước như Bộ Ngoại giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Công thương, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng v.v... và các cơ quan địa phương như Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư...
- Các trường đại học, cao đẳng trong và ngoài nước về lĩnh vực kinh tế quốc tế.
- Khối các doanh nghiệp, ngân hàng, doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp trong nước, các tổ chức quốc tế.

10. Cơ hội học tập ở các chương trình đào tạo tương đương hoặc bậc cao hơn

Được trang bị nền tảng kiến thức chuyên môn và ngoại ngữ tốt, sinh viên tốt nghiệp có khả năng học tiếp tục ngay lên bậc sau Đại học (bậc Thạc sĩ, Tiến

sĩ) thuộc các chuyên ngành Kinh tế Quốc tế, Tài chính Quốc tế, Thương mại Quốc tế, Kinh doanh Quốc tế... tại các trường trong nước, khu vực và trên thế giới.

II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐÀU RA, CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO; PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình cử nhân ngành Kinh tế quốc tế có mục tiêu đào tạo ra những cử nhân ngành Kinh tế quốc tế có phẩm chất chính trị tốt, kiến thức chuyên môn về các lĩnh vực kinh tế vững vàng và thành thạo kỹ năng thực hành các công việc trong các hoạt động kinh tế quốc tế; có tầm nhìn chiến lược; năng động, sáng tạo, hội nhập; biết vận dụng sáng tạo các kiến thức và kỹ năng thực hành đối ngoại để có thể làm việc trong các lĩnh vực kinh tế, kinh tế quốc tế và các ngành nghề liên quan.

Cử nhân tốt nghiệp ngành Kinh tế quốc tế sẽ thành thạo và biết vận dụng sáng tạo các kiến thức nền tảng đa dạng (chính trị quốc tế, truyền thông quốc tế, luật pháp quốc tế), và sử dụng công cụ ngoại ngữ (tiếng Anh, Trung, Pháp) vào các hoạt động quốc tế về kinh tế, trong môi trường hội nhập, năng động, sáng tạo, nhằm phục vụ cho công cuộc phát triển và hội nhập toàn diện của đất nước trong giai đoạn mới (2021-2030).

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Đào tạo đội ngũ cử nhân chuyên ngành Kinh tế quốc tế chất lượng cao, có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế quốc tế, cụ thể là trong lĩnh vực: thương mại quốc tế, tài chính quốc tế và ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế, kinh tế đối ngoại; có các kỹ năng chuyên môn và kỹ năng ngoại ngữ, tin học tốt, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động trong quá trình phát triển và xu thế hội nhập kinh tế quốc tế của cả nước.

- Đào tạo các chuyên viên chuyên ngành Kinh tế quốc tế chất lượng cao làm việc tại các công ty đa quốc gia, các tổng công ty, tập đoàn của nhà nước cũng như các tổ chức, các công ty tư nhân trong và ngoài nước.

- Đào tạo đội ngũ chuyên viên có năng lực tốt để làm công tác tác chiến và nghiên cứu phân tích động thái trong các lĩnh vực quốc tế về kinh tế, làm việc tại các Bộ, Ban, ngành, cơ quan đoàn thể.

- Đào tạo các cán bộ nghiên cứu có khả năng nghiên cứu, phân tích, hoạch định chiến lược, đưa ra các dự báo và khuyến nghị chính sách liên quan đến các lĩnh vực kinh tế và phát triển quốc tế cho Đảng, Chính phủ, Quốc hội, các cơ quan nhà nước và nhà hoạch định chính sách.

- Đào tạo đội ngũ chuyên gia có khả năng tự học tập suốt đời, có khả năng nghiên cứu, giảng dạy cho các cơ sở nghiên cứu hoặc đào tạo trong và ngoài nước, có khả năng nâng tầm khả năng nghiên cứu ở trình độ cao hơn về kinh tế quốc tế và những vấn đề quốc tế của khoa học kinh tế.

2. Chuẩn đầu ra

STT	MÃ	Chuẩn đầu ra	Mức độ
2.1. KIẾN THỨC			
1	KT1 (Cơ bản)	Hiểu và vận dụng các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị Triết học, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, CNXH Khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng vào phân tích giải quyết các vấn đề quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại trong thực tiễn.	2/6
2	KT2 (Nắm bắt và hiểu)	Nắm vững kiến thức các lý thuyết về kinh tế và kinh tế quốc tế để hiểu các vấn đề về kinh tế vĩ mô và vi mô và liên hệ với các xu thế kinh tế mới trên thế giới.	4/6

3	KT3 (Ý thức kỷ luật, năng động-sáng tạo-tầm nhìn)	Vận dụng kiến thức, đưa vào thực tế công việc một cách năng động, sáng tạo và có tầm nhìn. Có ý thức sâu sắc, trong sáng về đạo đức công việc, ý thức tổ chức kỷ luật.	3/6
4	KT4 (Phân tích và đánh giá bản chất)	Hiểu kỹ và vận dụng kiến thức kinh tế quốc tế để phân tích và đánh giá được bản chất của các vấn đề liên quan đến kinh tế, xã hội... trên thế giới và tại Việt Nam.	3/6
5	KT5 (Áp dụng vào công việc)	Sử dụng thuần thục các công cụ và phương pháp nghiên cứu tiên tiến trong phân tích kinh tế học trong hoạt động công việc tác chiến và phân tích động thái để đánh giá các vấn đề kinh tế quốc tế, đối ngoại, hợp tác quốc tế cho các tổ chức, ban ngành, các doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ.	4/6
6	KT6 (Nghiên cứu đánh giá, đưa ra giải pháp sáng tạo)	Nâng cao kiến thức và khả năng nghiên cứu nâng cao về lý luận và thực tiễn để đánh giá được các vấn đề liên quan đến kinh tế và phát triển quốc tế, đưa ra đề xuất giải pháp, xây dựng ý tưởng mô hình mới đổi mới chính sách của Chính phủ, Nhà nước, các Bộ Ban Ngành, từ góc độ hội nhập KTQT, ngoại giao kinh tế, chính trị và pháp luật quốc tế...	2/6
2.2. KỸ NĂNG			

7	KN1	Kỹ thuật thu thập và xử lý dữ liệu kinh tế bằng các phần mềm chuyên sâu như Spss, Stata, Eview.	4/5
8	KN2	Áp dụng trong thực tế các phương pháp kinh tế định tính và định lượng để phân tích, viết báo cáo về các sự kiện kinh tế, phát triển, chính trị và xã hội cũng như những quyết sách và chiến lược vĩ mô và vi mô của các cơ quan Nhà nước, các cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trong và ngoài nước.	5/5
9	KN3	Giao tiếp đa quốc gia, đa văn hóa và tác nghiệp ngoại giao kinh tế.	5/5
10	KN4	Làm việc độc lập, làm việc nhóm, lập kế hoạch, lãnh đạo, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, đàm phán, lập luận, phản biện và sắp xếp ý tưởng.	5/5
11	KN5	Kỹ năng ngoại ngữ: Có khả năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ (Anh/Pháp/Trung) sau khi tốt nghiệp.	5/5
12	KN6	Kỹ năng tin học: Có kỹ năng cơ bản về tin học văn phòng (Microsoft Office: Word, Excel và PowerPoint.	5/5
2.3. MỨC ĐỘ TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM			
13	NLTC1	Có tính trung thực, sáng tạo, có trách nhiệm với nghề nghiệp, có ý thức phục vụ nhân dân,	4/5

		có khả năng thích nghi với môi trường làm việc toàn cầu.	
14	NLTC2	Có năng lực chuyên môn, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể. Trung thành với lợi ích quốc gia – dân tộc, có trách nhiệm đối với cộng đồng.	4/5

*Ghi chú: Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (1-6),
 Dave: kỹ năng (1-5), Krathwohl: Đạo đức và trách nhiệm (1-5)*

3. Phương pháp, hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

Phương pháp, hình thức tổ chức	Mục đích	Tỷ lệ (%)
Giảng dạy		
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của các học phần một cách khoa học, logic.	40%
Thảo luận nhóm	Thông qua việc trao đổi, hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên, giữa các sinh viên để làm rõ nội dung kiến thức trong học phần. Giúp sinh viên nâng cao kỹ năng trình bày vấn đề trước đám đông, rèn luyện kiến thức và kỹ năng học phần.	30%
Nghiên cứu tình huống	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung chương trình học vào giải quyết vấn đề thực tế trong một tình huống cụ thể.	15%
Nghiên cứu khoa học	Giúp sinh viên phát huy tính năng động, sáng tạo, năng lực tự học, khả năng nghiên cứu khoa	15%

	học độc lập và vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học để giải quyết một số vấn đề của khoa học và thực tiễn.	
Học tập		
Học trên lớp	Giúp sinh viên tiếp thu kiến thức và trực tiếp trao đổi, thảo luận với giảng viên/nhóm.	50%
Học ở nhà	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	30%
Học nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, hợp tác. Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung học phần vào vấn đề thực tế.	20%
Kiến tập, thực hành	Giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học vào công việc cụ thể, tiếp cận môi trường làm việc thực tế tại các đơn vị. Qua đó sinh viên có thể so sánh, đánh giá giữa lý thuyết và thực tiễn.	20%

4. Phương pháp đánh giá

4.1. Đánh giá học phần

Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm:

- Điểm kiểm tra - đánh giá thường xuyên: có trọng số không lớn hơn 20% tổng điểm học phần.
- Điểm kiểm tra - đánh giá định kỳ: có trọng số không ít hơn 20% tổng điểm học phần.

- Điểm thi kết thúc học phần: có trọng số không ít hơn 60% tổng điểm của học phần. Bài thi kết thúc học phần có thể được thực hiện bằng các hình thức: viết (tự luận hoặc trắc nghiệm), vấn đáp, tiểu luận, hoặc kết hợp các hình thức đó.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận do giảng viên phụ trách học phần xác định, được Trưởng Khoa phê duyệt và quy định trong đề cương học phần.

Điểm học phần là điểm trung bình tính theo hệ số của các điểm đánh giá bộ phận, được làm tròn đến một chữ số thập phân.

4.2. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ, năm học, khóa học qua các tiêu chí sau:

- Khối lượng kiến thức học tập: là tổng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ.

- Khối lượng kiến thức tích lũy: là tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá loại đạt tính từ đầu khóa học.

- Điểm trung bình chung học kỳ: là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó (bao gồm cả các học phần được đánh giá loại đạt và không đạt).

- Điểm trung bình chung tích lũy: là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá loại đạt mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xem xét.

4.3. Thang điểm

Sinh viên được đánh giá theo thang điểm 10 (0-10), sau đó chuyển thành điểm chữ (A, B, C, D, F) và điểm số thang 4 (0-4) theo quy định đào tạo do Học viện xây dựng dựa trên Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **120** tín chỉ (không bao gồm số tín chỉ các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh)

Khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo: **120 tín chỉ**

Số thứ tự	Nội dung	Số tín chỉ (TC)
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	15
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	60
	Kiến thức cơ sở khối ngành	6
	Kiến thức cơ sở ngành	16
	Kiến thức bổ trợ	14
	Kiến thức chuyên ngành	24
3	Kiến thức ngoại ngữ	24
4	Học phần kỹ năng	6
5	Kiến thức tốt nghiệp	15

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Khối kiến thức giáo dục đại cương **15 tín chỉ***

Số thứ tự	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Triết học Mác - Lê nin	FC.001.03	03	Tiếng Việt
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	FC.002.02	02	Tiếng Việt
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	FC.003.02	02	Tiếng Việt
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	FC.004.02	02	Tiếng Việt
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	FC.005.02	02	Tiếng Việt
6	Pháp luật đại cương	IL.003.02	02	Tiếng Việt
7	Tin học	IT.001.02	02	Tiếng Việt
8	Giáo dục thể chất	AAD.001.03	03	Tiếng Việt
9	Giáo dục quốc phòng	AAD.002.08	08	Tiếng Việt

(* không bao gồm số TC học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp **60 tín chỉ**

Số thứ tự	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
	Kiến thức cơ sở khối ngành		06 TC	

1	Kinh tế vi mô 1	IE.001.02	02	Tiếng Việt
2	Kinh tế vĩ mô 1	IE.003.02	02	Tiếng Việt
3	Toán kinh tế	IE.005.02	02	Tiếng Việt

Kiến thức cơ sở ngành

16 TC

1	Quan hệ kinh tế quốc tế	IE.006.02	02	Tiếng Việt
2	Kinh tế đối ngoại Việt Nam	IE.007.02	02	Tiếng Việt
3	Lịch sử các học thuyết kinh tế	IE.008.02	02	Tiếng Việt
4	Xác suất thống kê	IE.009.02	02	Tiếng Việt
5	Kinh tế vi mô 2	IE.002.02	02	Tiếng Anh
6	Kinh tế vĩ mô 2	IE.004.02	02	Tiếng Anh
7	Kinh tế lượng	IE.010.02	02	Tiếng Việt
8	Kế toán	IE.011.02	02	Tiếng Việt

Kiến thức bổ trợ

14 TC

1	Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại	IR.005.02	02	Tiếng Việt
2	Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay	IR.007.02	02	Tiếng Việt
3	Công tác ngoại giao	IR.025.02	02	Tiếng Việt
4	Công pháp Quốc tế	IL.005.02	02	Tiếng Việt
5	Luật hiến pháp Việt Nam và các nước	IL.004.02	02	Tiếng Việt
6	Truyền thông quốc tế	IC.009.02	02	Tiếng Việt
7	Ngoại giao văn hóa	IC.010.02	02	Tiếng Việt

Kiến thức chuyên ngành

24 TC

Học phần bắt buộc

12 TC

1	Thương mại quốc tế	IE.012.02	02	Tiếng Việt
2	Tài chính quốc tế	IE.013.02	02	Tiếng Việt
3	Quản trị kinh doanh	IE.014.02	02	Tiếng Việt
4	Tiền tệ ngân hàng	IE.015.02	02	Tiếng Việt
5	Địa kinh tế	IE.016.02	02	Tiếng Việt
6	Thanh toán quốc tế	IE.017.02	02	Tiếng Việt

Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 06 học phần để tích lũy đủ 12 tín chỉ)

a. Thương mại quốc tế (TMQT)*

04 TC

* Sinh viên chọn 02 học phần (04 tín chỉ) trong số các học phần dưới đây

1	Giao dịch thương mại quốc tế	IE.018.02	02	Tiếng Việt
2	Logistics	IE.019.02	02	Tiếng Việt
3	Luật thương mại quốc tế	IE.020.02	02	Tiếng Việt
4	Marketing quốc tế	IE.021.02	02	Tiếng Việt
5	Thương mại điện tử	IE.022.02	02	Tiếng Việt

* Sinh viên chọn 02 học phần (04 tín chỉ) trong số các học phần dưới đây

6	Thị trường tài chính	IE.023.02	02	Tiếng Việt
7	Đầu tư quốc tế	IE.024.02	02	Tiếng Việt
8	Tài chính doanh nghiệp	IE.025.02	02	Tiếng Việt
9	Thị trường chứng khoán	IE.026.02	02	Tiếng Việt
10	Kiểm toán	IE.027.02	02	Tiếng Việt

c. Phát triển kinh tế (PTKT)* 04 TC

* Sinh viên chọn 02 học phần (04 tín chỉ) trong số các học phần dưới đây

11	Tài chính công	IE.028.02	02	Tiếng Việt
12	Chính sách công	IE.019.02	02	Tiếng Việt
13	Kinh tế phát triển	IE.030.02	02	Tiếng Việt
14	Kinh tế công cộng	IE.031.02	02	Tiếng Việt
15	Kinh tế khu vực	IE.032.02	02	Tiếng Việt

3. Kiến thức ngoại ngữ 24 tín chỉ

Số thứ tự	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Tiếng Anh cơ sở I	E.006.04	04	Tiếng Anh
2	Tiếng Anh cơ sở II	E.007.04	04	Tiếng Anh
3	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại giao I	E.018.03	03	Tiếng Anh
4	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại giao II	E.019.03	03	Tiếng Anh
5	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại giao III	E.020.03	03	Tiếng Anh
6	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại giao IV	E.021.03	03	Tiếng Anh
7	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại giao V	E.022.04	04	Tiếng Anh

4. Học phần kỹ năng

06 tín chỉ

Số thứ tự	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
Học phần bắt buộc				
1	Ngoại giao kinh tế	IE.033.02	02	Tiếng Việt
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế	IE.034.02	02	Tiếng Việt
Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 01 học phần trong số học phần dưới đây)				
3	Kỹ năng quản lý lãnh đạo	IE.035.02	02	Tiếng Anh
4	Kỹ năng viết báo cáo	E.029.02	02	Tiếng Anh
5	Tư duy phản biện	IE.036.02	02	Tiếng Anh

5. Kiến thức tốt nghiệp

15 tín chỉ

Số thứ tự	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Hướng nghiệp	AAD.037.02	2	Tiếng Việt
2	Thực tập tốt nghiệp	IE.038.03	3	Tiếng Việt
Tự chọn có điều kiện				
3	Khóa luận tốt nghiệp	IE.039.10	10	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
Tự chọn				
4	Phương pháp thực hành nghiên cứu khoa học	IE.041.03	3	Tiếng Việt
5	Đề án thực tập	IE.040.07	7	Tiếng Việt

6. Ma trận sự đóng góp của mỗi học phần vào việc đạt được Chuẩn đầu ra

Số thứ tự	Tên học phần	Mã học phần	CHUẨN ĐẦU RA													
			Kiến thức				Kỹ năng				NLTC					
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Kiến thức cơ sở khởi ngành																
1	Kinh tế vi mô 1	IE.001.02	3										3			4
2	Kinh tế vĩ mô 1	IE.003.02	3										3			4
3	Toán kinh tế	IE.005.02			3			4								4
Kiến thức cơ sở ngành																
4	Quan hệ kinh tế quốc tế	IE.006.02			3				4			4	3	3		4
5	Kinh tế đối ngoại Việt Nam	IE.007.02			3			3				4	3			4
6	Lịch sử các học thuyết kinh tế	IE.008.02			3							3				4
7	Xác suất thống kê	IE.009.02					3									4
8	Kinh tế vi mô 2	IE.002.02										3	3			4
9	Kinh tế vĩ mô 2	IE.004.02										3	3			4
10	Kinh tế lượng	IE.010.02											3	3		4
11	Kế toán	IE.011.02										3	3			4
Kiến thức chuyên ngành																
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

12	Thương mại quốc tế	IE.012.02	3	3			3		3		4
13	Tài chính quốc tế	IE.013.02	3				3	3			4
14	Quản trị kinh doanh	IE.014.02		3			4		3		4
15	Tiền tệ ngân hàng	IE.015.02	3	3			3				4
16	Địa kinh tế	IE.016.02	3	3			3				4
17	Thanh toán quốc tế	IE.017.02	3	3			3				4
18	Marketing quốc tế	IE.021.02		3			3		3		4
19	Giao dịch thương mại quốc tế	IE.018.02	3				3	3			4
20	Logistics	IE.019.02	3	3			3				4
21	Luật Thương mại quốc tế	IE.020.02	3				3				4
22	Thương mại điện tử	IE.022.02	3	3			3				4
23	Thị trường tài chính	IE.023.02	3				3		3		4
24	Đầu tư quốc tế	IE.024.02		3			3	3			4
25	Tài chính doanh nghiệp	IE.025.02		3			3		3		4
26	Thị trường chứng khoán	IE.026.02	3	3			3				4
27	Kiểm toán	IE.027.02	3	3			3				4
28	Tài chính công	IE.028.02	3				3		3		4
29	Chính sách công	IE.029.02	3	3			3	3			4
30	Kinh tế phát triển	IE.030.02		3	4		3				4
31	Kinh tế công cộng	IE.031.02	3	3			3	3			4
32	Kinh tế khu vực	IE.032.02	3	3			3	3			4

	<i>Học phần kỹ năng</i>	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
33	Ngại giao kinh tế	IE.033.02	3							3	3			4	
34	Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế	IE.034.02	3	3					3	3			4		
35	Kỹ năng quản lý và lãnh đạo	IE.035.02	3							3				4	
36	Kỹ năng viết báo cáo	E.029.02	3					3	3				4		
37	Kỹ năng tư duy phản biện	IE.036.02	3			3			3				4		
	<i>Học phần bắt buộc</i>		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
38	Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại	IR.005.02	4	4											4
39	Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay	IR.007.02	4	4											4
40	Công tác ngoại giao	IR.025.02	2	4											4
41	Luật hiến pháp Việt Nam và các nước	IL.004.02	4	4											4
42	Công pháp quốc tế	IL.005.02	4	4											4
43	Đại cương truyền thông quốc tế	IC.009.02	3	4											4
44	Ngoại giao văn hóa	IC.010.02	2	4											4
	<i>Kiến thức ngoại ngữ</i>		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
45	Tiếng Anh cơ sở I	E.006.04											2		4
46	Tiếng Anh cơ sở II	E.007.04											2		4
47	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại giao I	E.018.03											3		4
48	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại giao II	E.019.03											3		4
49	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại giao III	E.020.03											4	3	4

50	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại giao IV	E.021.03							4	3		4
51	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại giao V	E.022.04							4	3		4
	<i>Kiến thức giáo dục đại cương</i>		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
52	Triết học Mác - Lênin	FC.001.03	3									
53	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	FC.002.02	3									
54	Chủ nghĩa xã hội khoa học	FC.003.02	3									
55	Tư tưởng Hồ Chí Minh	FC.004.02	3									
56	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	FC.005.02	3									
57	Pháp luật đại cương	IL.003.02	3									
	<i>Kiến thức tốt nghiệp</i>		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
58	Hướng nghiệp	AAD.037.02	3								11	12
59	Thực tập tốt nghiệp	IE.038.03	4								13	14
60	Khóa luận tốt nghiệp	IE.039.10	4								4	
61	Phương pháp thực hành nghiên cứu khoa học	IE.041.03	4								4	
62	Đề án thực tập	IE.040.07							4		3	
											4	

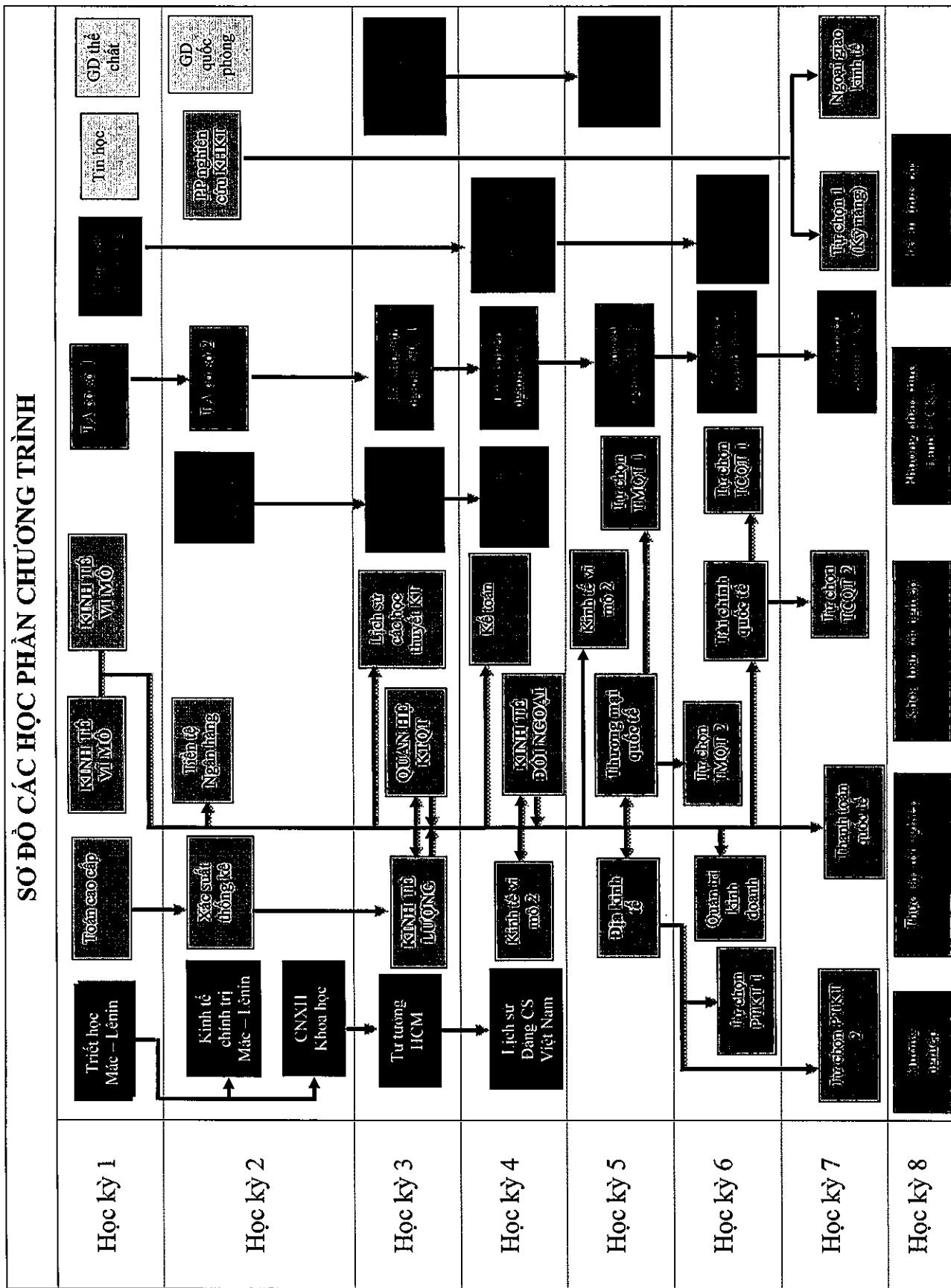
IV. KẾ HOẠCH GIÁNG DẠY DỰ KIẾN

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ
HỌC KỲ 1		17
1	Triết học Mác - Lê nin	3
2	Kinh tế vi mô	2
3	Kinh tế vĩ mô	2
4	Toán cao cấp	2
5	Tiếng Anh cơ sở 1	4
6	Pháp luật đại cương	2
7	Tin học	2
8	<i>Giáo dục thể chất</i>	3
HỌC KỲ 2		16
1	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
3	Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại	2
4	Tiền tệ ngân hàng	2
5	Tiếng Anh cơ sở 2	4
6	Xác suất thống kê	2
7	Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế	2
8	<i>Giáo dục quốc phòng</i>	8
HỌC KỲ 3		15
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
2	Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay	2
3	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại giao I	3
4	Đại cương truyền thông quốc tế	2
5	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2

6	Quan hệ kinh tế quốc tế	2
7	Kinh tế lượng	2
HỌC KỲ 4		15
1	Công tác ngoại giao	2
2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
3	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại giao II	3
4	Luật hiến pháp Việt Nam và các nước	2
5	Kinh tế đối ngoại Việt Nam	2
6	Kinh tế vi mô 2	2
7	Kế toán	2
HỌC KỲ 5		13
1	Ngoại giao văn hóa	2
2	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại giao III	3
3	Học phần tự chọn chuyên ngành TMQT 1	2
4	Địa kinh tế	2
5	Kinh tế vĩ mô 2	2
6	Thương mại quốc tế	2
HỌC KỲ 6		15
1	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại giao IV	3
2	Công pháp quốc tế	2
3	Học phần tự chọn chuyên ngành TMQT 2	2
4	Tài chính quốc tế	2
5	Học phần tự chọn chuyên ngành TCQT 1	2
6	Học phần tự chọn chuyên ngành KTPT 1	2
7	Quản trị kinh doanh	2
HỌC KỲ 7		14

1	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại giao V	4
2	Ngoại giao kinh tế	2
3	Thanh toán quốc tế	2
4	Học phần tự chọn chuyên ngành TCQT 2	2
5	Học phần chuyên ngành tự chọn (Kỹ năng hỗ trợ)	2
6	Học phần tự chọn chuyên ngành KTPT 2	2
HỌC KỲ 8		15
1	Hướng nghiệp	2
2	Thực tập tốt nghiệp	3
3	Sinh viên lựa chọn 1 trong 2 hình thức: - Khóa luận tốt nghiệp* - Phương pháp thực hành nghiên cứu khoa học (3 tín chỉ) và Đề án thực tập tốt nghiệp (7 tín chỉ)	10 10
* <i>Tự chọn có điều kiện</i>		

SƠ ĐỒ CÁC HỌC PHẦN CHƯƠNG TRÌNH



V. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN

1. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

1.1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương nhằm giới thiệu một cách có hệ thống những quan điểm triết học cơ bản của C. Mác, Ph. Ăngghen và V. I. Lênin với tư cách là hệ thống những quan điểm duy vật biện chứng về tự nhiên, xã hội và tư duy. Triết học Mác - Lênin là thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các lực lượng tiến bộ xã hội trong nhận thức và cải tạo xã hội. Triết học Mác - Lênin là học phần đầu tiên, là điều kiện tiên quyết cho các học phần khoa học lý luận Mác - Lênin trong chương trình đại học, cao đẳng.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể vận dụng phương pháp luận vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn; từng bước xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng, từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học để từ đó tiếp cận các khoa học chuyên ngành.

1.2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương nhằm giới thiệu một cách có hệ thống những quan điểm cơ bản của C. Mác, Ph. Ăngghen và V. I. Lênin về kinh tế - chính trị học: lý luận về sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tự do cạnh tranh tư bản chủ nghĩa, về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, cơ sở lý luận cơ bản của các mối quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể vận dụng được các nội dung, quan điểm kinh tế chính trị Mác - Lênin vào hoạt động kinh tế - xã hội; củng cố

thế giới quan khoa học, hình thành phương pháp luận khoa học để từ đó tiếp cận các khoa học chuyên ngành như kinh tế học, kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô.

1.3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Triết học Mác - Lenin**

Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương nhằm giới thiệu một cách có hệ thống những quan điểm cơ bản của C. Mác, Ph. Ăngghen và V. I. Lenin về việc xây dựng một chế độ xã hội mới để thay thế cho các xã hội còn tồn tại tình trạng bất bình đẳng giai cấp. Học phần này nghiên cứu các quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội để luận giải cho tính tất yếu ra đời của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa và cách thức, con đường để định hướng cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động xây dựng thành công chế độ xã hội đó.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể vận dụng được các nội dung, quan điểm cơ bản về chủ nghĩa xã hội vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn; từng bước xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

1.4. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Triết học Mác - Lenin, Kinh tế chính trị Mác - Lenin, Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương nhằm giới thiệu có hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân đến cách mạng XHCN. Đó là các quan điểm về vấn đề dân tộc, cách mạng giải phóng dân tộc; về đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam, về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới; về vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lenin vào điều kiện Việt Nam; về kết tinh tinh hoa văn hóa

dân tộc và trí tuệ thời đại nhằm giải phóng dân tộc, giải cấp và giải phóng con người.

Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận Hồ Chí Minh để xem xét, luận giải đường lối chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam; vận dụng thế giới quan và phương pháp luận Hồ Chí Minh vào thực tiễn sự nghiệp đổi mới hiện nay; thực hành theo tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

1.5. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lenin, Kinh tế chính trị Mác - Lenin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần thuộc khái kiến thức giáo dục đại cương nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam/Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự ra đời của Đảng, đường lối đấu tranh giành chính quyền 1930 - 1945, đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp, kháng chiến chống đế quốc Mỹ và đường lối thời kì đổi mới: đường lối công nghiệp hóa, đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đường lối xây dựng hệ thống chính trị, đường lối văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội và đường lối đối ngoại.

Sau khi học xong học phần, sinh viên hiểu được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; nắm được đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng qua các thời kỳ lãnh đạo cách mạng Việt Nam; nhận diện được những cơ sở để Đảng hoạch định đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng; vận dụng đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng vào công tác chuyên môn và trong cuộc sống; tin tưởng, góp phần tuyên truyền đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng trong nhân dân.

1.6. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về pháp luật và một số ngành luật quan trọng của Việt Nam. Cụ thể, học phần chia làm hai nhóm kiến thức: nhóm kiến thức thứ nhất cung cấp cho sinh viên một số khái niệm, thuật ngữ pháp lý cơ bản như pháp luật, nguồn của pháp luật (văn bản quy phạm pháp luật, tiền lệ pháp, tập quán pháp), xây dựng pháp luật, giải thích và áp dụng pháp luật; nhóm kiến thức thứ hai cung cấp các kiến thức chung về ba ngành luật quan trọng trong pháp luật Việt Nam (luật hiến pháp, pháp luật dân sự, pháp luật hình sự...) như nguồn của từng ngành luật, đối tượng điều chỉnh, các nội dung/chế định cơ bản của từng ngành luật.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có khả năng hiểu được các khái niệm cơ bản về pháp luật, mối quan hệ giữa pháp luật và các quy phạm xã hội khác như đạo đức, hay các điều lệ của các tổ chức, đoàn thể; có kiến thức khái quát về toàn bộ hệ thống pháp luật Việt Nam, bao gồm vị trí, hiệu lực pháp lý của các bộ phận cấu thành (các nguồn), đối tượng, phạm vi điều chỉnh của các ngành luật thực định và mối quan hệ của hệ thống pháp luật Việt Nam với luật pháp quốc tế.

1.7. TIN HỌC

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Không

Là học phần 02 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; phần mềm hệ thống (hệ điều hành), phần mềm ứng dụng, phần mềm công cụ; khai thác hệ điều hành phổ thông MS Windows; sử dụng các phần mềm văn phòng để làm tài liệu, quản trị dữ liệu ở mức đơn giản; sử dụng các dịch vụ trên Internet như e-mail, tìm kiếm tin tức.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kỹ năng tìm kiếm thông tin, dữ liệu và xử lý các văn bản, thông tin phục vụ cho các công việc chuyên môn.

1.8. GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: Không

Là học phần gồm 03 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, huấn luyện cho người học những kiến thức cơ bản về thể thao quần chúng bao gồm: hiểu biết nguyên tắc, phương pháp huấn luyện thể lực, luật và tổ chức thi đấu một số môn thể thao.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có các kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

1.9. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

Số tín chỉ: 08

Điều kiện tiên quyết: Không

Là học phần có 08 tín chỉ, bao gồm: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; Công tác quốc phòng, an ninh; Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn; Hiểu biết chung về quân, binh chủng. Sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân sự cấp trung đội, biết sử dụng súng ngắn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng.

2. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

2.1. KINH TẾ VI MÔ 1

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần thuộc kiến thức cơ sở khối ngành được trình bày với mục tiêu giúp người học nghiên cứu nắm bắt được những nguyên lý kinh tế cơ bản trong kinh tế học và kinh tế vi mô nói riêng. Kết cấu các bài giảng được trình bày đơn giản và hợp lý nhưng vẫn bảo đảm tính hiện đại. Nội dung học phần này đi sâu vào những khái niệm về thị trường, cung - cầu, co giãn của cầu và cung, hành vi

người tiêu dùng và doanh nghiệp (sản xuất - chi phí - lợi nhuận), cạnh tranh hoàn hảo và độc quyền, cung - cầu lao động, thất bại thị trường.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể nắm vững các lý thuyết kinh tế về quy luật thị trường, có khả năng liên hệ phân tích những thay đổi diễn ra trên thị trường hàng hóa, dịch vụ thông thường. Học phần cũng giúp sinh viên rèn luyện khả năng phân tích, tổng hợp thông tin, kỹ năng làm việc nhóm cũng như kỹ năng lập luận, phản biện.

2.2. KINH TẾ VĨ MÔ 1

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần thuộc kiến thức cơ sở khái ngành được trình bày với mục tiêu giúp người học nghiên cứu hành vi của nền kinh tế nói chung trong việc phân bổ nguồn lực khan hiếm để sản xuất hàng hoá, dịch vụ, nhằm tối đa hoá phúc lợi xã hội và đạt được các mục tiêu kinh tế. Các vấn đề kinh tế vĩ mô được tập trung nghiên cứu bao gồm các hoạt động kinh tế vĩ mô và các chính sách kinh tế (nền kinh tế hoạt động như thế nào và những chính sách kinh tế nào nên được thực hiện để đảm bảo nền kinh tế hoạt động tốt).

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể nắm vững được những chỉ số vĩ mô của nền kinh tế, có khả năng liên hệ đến những thay đổi diễn ra trong nền kinh tế và có khả năng đưa ra những đề xuất liên quan đến các chính sách vĩ mô. Học phần cũng giúp sinh viên rèn luyện khả năng phân tích, tổng hợp thông tin, kỹ năng làm việc nhóm cùng các kỹ năng lập luận, phản biện.

2.3. TOÁN CAO CẤP

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần thuộc kiến thức cơ sở khái ngành, bao gồm hai phần là đại số tuyến tính và giải tích. Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản trong đại số và giải tích; các khái niệm trong kinh tế và kinh doanh bằng cách sử dụng kiến thức toán học thu được; cách sử dụng ma trận để giải quyết các vấn đề kinh tế với

quy mô lớn; cách sử dụng các khái niệm về đạo hàm và tích hợp để giải quyết các vấn đề bao gồm cả vấn đề tối ưu hóa cho việc ra quyết định.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị những công cụ và phương pháp nghiên cứu toán học cần thiết để từ đó hiểu rõ hơn về các khóa học liên quan khác như kinh tế quốc tế, kinh tế, tài chính, kế toán, v.v. Ngoài ra, kiến thức và kỹ năng cũng được sử dụng để giải quyết vấn đề và ra quyết định trong kinh doanh và quản lý.

2.4. QUAN HỆ KINH TẾ QUỐC TẾ

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1**

Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản và cụ thể về: các khái niệm kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế; thương mại quốc tế; đầu tư trực tiếp nước ngoài; vấn đề viện trợ và nợ nước ngoài; vấn đề hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và môi trường; di chuyển sức lao động quốc tế; thị trường ngoại hối và cán cân thanh toán quốc tế; hội nhập kinh tế quốc tế. Đồng thời học phần còn nghiên cứu về các quá trình kinh tế diễn ra trong mối quan hệ giữa các quốc gia với nhau và giữa các quốc gia với các tổ chức kinh tế quốc tế. Các mối quan hệ đó mang tính khách quan và ngày càng phát triển, mở rộng trên quy mô toàn cầu.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể phân tích và đánh giá đúng bản chất tính tất yếu khách quan của các quan hệ kinh tế quốc tế; các nội dung, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của học phần quan hệ kinh tế quốc tế; đồng thời biết vận dụng các phương pháp nghiên cứu trong quá trình học tập. Học phần cũng giúp sinh viên áp dụng trong thực tế các phương pháp định tính và định lượng để phân tích các sự kiện về kinh tế quốc tế; rèn luyện khả năng phân tích, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cùng các kỹ năng giao tiếp trong môi trường hội nhập quốc tế.

2.5. KINH TẾ ĐỐI NGOẠI VIỆT NAM

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1, Quan hệ kinh tế quốc tế

Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về những vấn đề chung về kinh tế đối ngoại như: cơ sở phát triển kinh tế đối ngoại, quá trình đổi mới chính sách kinh tế đối ngoại, quan điểm cơ bản phát triển kinh tế đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta và thành tựu về phát triển kinh tế đối ngoại; một số vấn đề trong phát triển kinh tế đối ngoại nước ta hiện nay. Học phần cũng nghiên cứu về các lĩnh vực chủ yếu của kinh tế đối ngoại như: ngoại thương, đầu tư nước ngoài, hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), du lịch quốc tế, xuất khẩu lao động và chuyên gia; vấn đề nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh hội nhập; sự tham gia của Việt Nam trong một số tổ chức kinh tế quốc tế; quan điểm và chiến lược phát triển kinh tế đối ngoại của Việt Nam.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị kỹ lưỡng những phương pháp để phân tích, thuyết trình những vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế đối ngoại, đồng thời biết vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại, từ đó nâng cao kiến thức và khả năng đánh giá, đưa ra giải pháp, mô hình ý tưởng mới đối với chính sách kinh tế đối ngoại của Đảng và Nhà nước từ góc độ hội nhập. Học phần cũng giúp sinh viên rèn luyện khả năng năng phân tích, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cùng các kỹ năng giao tiếp trong môi trường kinh doanh đa văn hóa.

2.6. LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1, Triết học Mác - Lenin, Kinh tế Chính trị Mác - Lenin

Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho sinh viên những lý luận chủ yếu của các đại biểu tiêu biểu của các trường phái kinh tế, những quan điểm, tư tưởng và học thuyết kinh tế cơ bản chi phối sự hình thành và phát triển của nền kinh tế thị trường qua các thời đại lịch sử, qua đó làm sáng tỏ ý

nghĩa thực tiễn của mỗi học thuyết kinh tế đối với quá trình đổi mới và xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể nắm vững lý thuyết, nguồn gốc và tính khoa học của các học thuyết kinh tế, trong đó có kinh tế chính trị Mác-Lênin, từ đó liên hệ lý giải về các hiện tượng kinh tế và các đường lối chính sách kinh tế hiện nay, phục vụ cho nghiên cứu các khoa học kinh tế và hoạt động thực tiễn. Học phần cũng giúp sinh viên rèn luyện khả năng phân tích, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cách sắp xếp và diễn giải vấn đề một cách hiệu quả.

2.7. XÁC SUẤT THỐNG KÊ

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Toán cao cấp**

Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành, bao gồm hai mảng chính trong thống kê: thống kê mô tả và thống kê suy diễn. Thống kê mô tả bao gồm thu thập dữ liệu, tóm tắt và giải thích chúng thông qua các kỹ thuật số và đồ thị. Thống kê suy diễn bao gồm lựa chọn và áp dụng các công cụ thống kê nhằm đưa ra các kết luận về tham số tổng thể. Các chủ đề bao gồm thống kê mô tả, tương quan và hồi quy đơn giản, xác suất, ước tính điểm và khoảng, kiểm định giả thuyết thống kê.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể hiểu được các khái niệm, sử dụng thuần thục các công cụ và phương pháp thống kê thiết yếu cho sinh viên trong việc tìm ra và vận dụng các quy luật này trong cuộc sống và trong quyết định sản xuất kinh doanh. Trọng tâm của học phần hướng tới ý tưởng, lập luận, tư duy logic nhiều hơn là tính toán toán học.

2.8. KINH TẾ VI MÔ 2

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1**

Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành được giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh. Học phần gồm những nội dung liên đến cơ chế hình thành giá

trên thị trường, các hành vi của nhà sản xuất và người tiêu dùng; các mô hình thị trường chính, những lý thuyết về sản xuất và các buổi thảo luận nhóm cũng như bài tập cá nhân.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể nắm vững cơ sở lý thuyết về kinh tế vi mô và các thuật ngữ trong kinh tế vi mô bằng tiếng Anh, đồng thời rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp thông tin, kỹ năng làm việc theo nhóm cũng như khả năng tiếng Anh thông qua việc hoàn thành các bài thuyết trình nhóm bằng tiếng Anh về các vấn đề vi mô của các cá nhân, doanh nghiệp và chính phủ trong nền kinh tế Việt Nam.

2.9. KINH TẾ VĨ MÔ 2

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1**

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành được giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh. Học phần được thiết kế để cung cấp cho học viên một sự hiểu biết về các nguyên tắc của kinh tế áp dụng cho toàn bộ hệ thống kinh tế; trọng tâm hướng tới việc nghiên cứu thu nhập quốc gia và xác định giá cân bằng dựa trên tổng cung tổng cầu.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể đánh giá hiệu quả hoạt động kinh tế, lý thuyết kinh tế vĩ mô, chính sách kinh tế vĩ mô, và kinh tế quốc tế; cách sử dụng đồ thị, biểu đồ và dữ liệu để phân tích, mô tả và giải thích các khái niệm kinh tế. Ngoài ra, học phần này sẽ giúp sinh viên làm quen với các chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động kinh tế, chính sách ổn định kinh tế và tăng trưởng kinh tế; nâng cao trình độ đọc hiểu tài liệu chuyên ngành kinh tế bằng tiếng Anh và trau dồi kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm.

2.10. KINH TẾ LƯỢNG

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Xác suất thống kê, Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1**

Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành được trình bày với mục tiêu giúp người học áp dụng các kỹ thuật thống kê vào các mô hình kinh tế nhằm hiển thị

các kết quả định lượng và để xác minh các định lý kinh tế. Nó bao gồm các công cụ cơ bản của ước lượng và suy luận trong bối cảnh của mô hình hồi quy tuyến tính, phương trình đơn, và chủ yếu đề cập đến các phương pháp ước lượng bình phương nhỏ nhất.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có sự hiểu biết trực quan và ứng dụng thực tế của các công cụ phân tích hồi quy cơ bản về lý thuyết và cách ứng dụng các phương pháp kinh tế lượng trong nghiên cứu và thực tế. Trọng tâm của học phần hướng tới ý tưởng, lập luận, tư duy logic nhiều hơn là tính toán toán học.

2.11. KẾ TOÁN

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1**

Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành được thiết kế nhằm cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về chu trình kế toán, tập trung vào quá trình điều chỉnh, khớp nối và lập báo cáo tài chính. Học phần sẽ tập trung vào các khoản phải thu, hàng tồn kho, giá vốn hàng bán, tài sản, nhà máy và thiết bị, nợ, vốn chủ sở hữu và tỷ số tài chính và kỹ thuật để diễn giải chất lượng thu nhập của các công ty đại chúng; các kỹ năng kỹ thuật để áp dụng các quy trình và quy tắc kế toán nhằm phát triển sự hiểu biết về cách các sự kiện kinh tế được ghi lại trong báo cáo tài chính; các kiến thức cơ bản áp dụng trong thuyết minh báo cáo tài chính.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể hiểu rõ các nguyên tắc cơ bản của kế toán tài chính, từ đó áp dụng trong phân tích các thông tin tài chính của doanh nghiệp với sự hiểu biết về các nguyên tắc kế toán cơ bản, phát triển kiến thức của sinh viên về cả việc chuẩn bị và sử dụng báo cáo tài chính khi chúng liên quan đến các lĩnh vực kế toán.

2.12. THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Quan hệ kinh tế quốc tế, Kinh tế đối ngoại**

Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các lý thuyết thương mại quốc tế và chính sách thương mại quốc tế; sự hình thành các quy luật trong thương mại quốc tế; nguyên lý và cơ chế, chính sách vận hành thương mại quốc tế của các quốc gia, khu vực; xu hướng phát triển của thương mại quốc tế; các công cụ chính sách quản lý thương mại quốc tế; chỉ rõ những lợi ích mà quá trình hội nhập thương mại quốc tế mang lại, hoạt động của một số liên kết kinh tế mà Việt Nam đang và sẽ tham gia để từ đó giúp đánh giá được những thuận lợi và những khó khăn cũng như thời cơ và thách thức đặt ra cho chúng ta khi tham gia vào các tổ chức này.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể nắm bắt và hiểu kỹ những quy luật trong thương mại quốc tế, nâng cao năng lực nghiên cứu, hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế và thương mại quốc tế, biết vận dụng trong việc xác định phương hướng đúng đắn và các biện pháp giải quyết tốt các vấn đề thương mại vĩ mô ở nước ta hiện nay. Học phần cũng giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp thông tin, kỹ năng làm việc theo nhóm cũng như khả năng giao tiếp trong môi trường hội nhập quốc tế.

2.13. TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: Quan hệ kinh tế quốc tế, Kinh tế đối ngoại

Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về những mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ và chính sách kinh tế vĩ mô giữa các quốc gia như: lạm phát, lãi suất, tỷ giá, cán cân thanh toán quốc tế; thị trường tiền tệ và vốn quốc tế, hệ thống tiền tệ quốc tế; hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ - ngân hàng; những kiến thức liên quan đến tỷ giá, các chế độ tỷ giá, cách tính tỷ giá chéo, ảnh hưởng của tỷ giá trong thương mại quốc tế, tài chính quốc tế; luồng vốn quốc tế và những yếu tố tác động vào luồng vốn quốc tế; cán cân thanh toán quốc tế; lợi ích của quá trình hội nhập tài chính quốc tế và những thách thức trong quản lý kinh tế vĩ mô của quá trình hội nhập tài chính.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ nắm vững được những kiến thức cơ bản về tài chính quốc tế, liên hệ để phân tích các vấn đề tài chính quốc tế. Học phần cũng giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp thông tin, kỹ năng làm việc nhóm cũng như áp dụng trong thực tế các phương pháp kinh tế định tính và định lượng để phân tích các báo cáo trong lĩnh vực tài chính quốc tế.

2.14. QUẢN TRỊ KINH DOANH

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1**

Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành nhằm giới thiệu một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về kinh tế cũng như kỹ năng thực hiện các chức năng quản trị trong doanh nghiệp: khái lược về quản trị kinh doanh, nhà quản trị, doanh nghiệp, hệ thống kinh doanh, các hành vi quản trị để duy trì, phát triển hiệu quả công việc trong quá trình kinh doanh; xây dựng những chiến lược, dự án kinh doanh của doanh nghiệp; phân tích đánh giá tình hình kinh doanh.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ có những cái nhìn toàn diện và có thể vận dụng kiến thức vào thực tiễn để giải quyết các vấn đề cơ bản trong hoạt động kinh doanh, từng bước trau dồi kỹ năng quản trị, tiếp thu các môn chuyên ngành khác một cách dễ dàng hơn và thích nghi nhanh hơn với công việc trong tương lai. Học phần giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp thông tin, kỹ năng làm việc nhóm cũng như áp dụng trong thực tế các mô hình lý thuyết cạnh tranh để phân tích từ đó đưa ra các quyết định trong kinh doanh và quản lý.

2.15. TIỀN TỆ NGÂN HÀNG

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1**

Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành nhằm tập trung giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiền tệ, chế độ tiền tệ, hình thái tiền tệ trong lịch sử (hàng đổi hàng, hóa tệ phi kim, hóa tệ kim loại, pháp tệ, tiền điện tử...);

vấn đề cung và cầu tiền tệ trong nền kinh tế, lạm phát, giảm phát; chức năng, nghiệp vụ cơ bản của ngân hàng thương mại và thị trường tài chính cùng các công cụ tài chính (chứng khoán nợ, chứng khoán vốn, chứng khoán phái sinh), định giá cơ bản các công cụ tài chính; chức năng và vai trò quản lý vĩ mô của Ngân hàng Trung ương; phân tích tác động của chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa đến nền kinh tế thông qua mô hình IS-LM.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ nắm được những kiến thức cơ bản và cách thức vận hành của hệ thống tài chính, có thể vận dụng kiến thức vào thực tiễn để giải quyết các vấn đề cơ bản trong kinh doanh tiền tệ, ngân hàng và hoạch định chính sách. Học phần cũng giúp sinh viên nâng cao khả năng thuyết trình, làm việc nhóm để nghiên cứu một vấn đề dưới góc độ kinh tế - tài chính.

2.16. ĐỊA KINH TẾ

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1, Quan hệ kinh tế quốc tế**

Học phần này là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý thuyết đại cương của địa - kinh tế, mối quan hệ giữa địa lý và kinh tế, vùng kinh tế và phân vùng kinh tế, tác động của toàn cầu hóa tới các xu hướng liên kết kinh tế trong cùng khu vực địa lý, ...; những kiến thức tổng quan về thực tiễn nghiên cứu địa - kinh tế ở các châu lục và một số quốc gia tiêu biểu như Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, qua đó có liên hệ với nước ta, đồng thời tổng hợp, phân tích và đánh giá các chỉ tiêu địa lý - kinh tế - xã hội ở các nước, các khu vực này. Bên cạnh đó, những buổi thực hành các câu hỏi thảo luận và thuyết trình được đưa vào để cung cấp giảng dạy giúp củng cố kiến thức cho học viên, tăng cường các kỹ năng khác như thuyết trình, phản biện đồng thời gợi mở các vấn đề để học viên tự tìm hiểu nghiên cứu, xây dựng ý tưởng cho các buổi thảo luận chuyên đề, chuyên sâu.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể vận dụng được vào việc so sánh, định hướng những nhân tố kinh tế mang tính quyết định, nhận dạng những

điểm tích cực và tồn tại trong mô hình phát triển kinh tế để đưa ra những khuyến nghị mang tính chất xây dựng đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế của quốc gia. Về kỹ năng, học phần chú trọng nâng cao khả năng làm việc độc lập, kết hợp làm việc nhóm thông qua các bài tập thuyết trình, giả định đàm phán.

2.17. THANH TOÁN QUỐC TẾ

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Quan hệ kinh tế quốc tế, Kinh tế đối ngoại**

Học phần này là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, những lý thuyết cơ bản về hoạt động thanh toán quốc tế, tín dụng và bảo lãnh xuất nhập khẩu như: các luật, thông lệ và tập quán quốc tế, các chứng từ và điều kiện thanh toán quốc tế, các hình thức tín dụng và bảo lãnh xuất nhập khẩu; những khía cạnh chủ yếu có liên quan đến các quy định pháp luật và tập quán quốc tế về thanh toán quốc tế bao gồm hối đoái và thực hành các nghiệp vụ hối đoái, các phương tiện thanh toán quốc tế, các phương thức thanh toán quốc tế, các điều kiện thanh toán quốc tế được điều chỉnh bởi pháp luật có liên quan.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để phân tích và thực hiện các nghiệp vụ thanh toán quốc tế trong thương mại quốc tế; có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào các học phần tiếp theo và các công việc thực tiễn; có các kỹ năng thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề về thương mại quốc tế; có kỹ năng đàm phán, lựa chọn phương thức, công cụ thanh toán thích hợp trong hoạt động, giao dịch tiền tệ và ngoại thương.

2.18. MARKETING QUỐC TẾ

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Quan hệ kinh tế quốc tế, Kinh tế đối ngoại**

Học phần này là học phần tự chọn thuộc kiến thức chuyên ngành cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, những lý thuyết cơ bản, các quan điểm quản trị marketing quốc tế; phân tích các

nhân tố môi trường marketing quốc tế và thị trường quốc tế làm cơ sở đánh giá và quản trị thời cơ marketing quốc tế của công ty kinh doanh; bản chất của marketing trong kinh doanh hiện đại; nội dung và quá trình thực hiện marketing trong tổ chức; xây dựng nhận thức, tư duy kinh tế theo quan điểm marketing; tiếp cận và phân tích các hoạt động marketing đang diễn ra trên thị trường và ứng dụng linh hoạt kiến thức marketing vào thực tế.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể củng cố thêm kỹ năng tư duy, khả năng phân tích, ra quyết định, phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến marketing quốc tế; vận dụng kiến thức để phân tích nội dung về các lĩnh vực khác nhau trong marketing quốc tế và hoạt động của doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Về kỹ năng, học phần chú trọng nâng cao khả năng làm việc độc lập, kết hợp làm việc nhóm thông qua các bài tập thuyết trình, mô hình giả định.

2.19. GIAO DỊCH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: Quan hệ kinh tế quốc tế, Kinh tế đối ngoại

Học phần này là học phần tự chọn thuộc kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp những kiến thức làm nền tảng cho học phần chuyên ngành thanh toán quốc tế và những kiến thức liên quan đến vấn đề tài trợ xuất nhập khẩu. Đối tượng nghiên cứu của học phần là những vấn đề về nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hoá như: lựa chọn phương thức giao dịch, đàm phán ký kết hợp đồng, trình tự thực hiện hợp đồng thương mại quốc tế, thủ tục tiến hành và các chứng từ liên quan tới giao dịch ngoại thương.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng phân tích các nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hoá của một doanh nghiệp, từ đó vận dụng các nội dung đã học để lựa chọn các phương thức giao dịch, các điều kiện giao dịch phù hợp với từng sản phẩm và từng doanh nghiệp, được trang bị kỹ năng tiến hành thủ tục làm việc, hiểu được trình tự làm việc, chứng từ liên quan đến việc giao dịch trong các giao dịch ngoại thương, trang bị kỹ năng đàm phán ký kết và

thực hiện hợp đồng, hình thành niềm yêu thích và ứng dụng hiệu quả các hợp đồng giao dịch thương mại ngoại thương và có ý thức, trách nhiệm đối với công việc liên quan tới giao dịch ngoại thương.

2.20. LOGISTICS

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Quan hệ kinh tế quốc tế, Kinh tế đối ngoại**

Học phần này là học phần tự chọn thuộc kiến thức chuyên ngành tập trung vào những kiến thức tổng quan về logistics như định nghĩa, vai trò mục tiêu, các thành phần và sự phát triển của logistics.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ có thêm những kiến thức chuyên sâu về kho hàng và dự trữ, những khái niệm cơ bản, bản chất, vai trò và tầm quan trọng của hoạt động kho hàng và dự trữ trong quản trị logistics, nắm được các kiến thức về quản trị hệ thống phân phối, bao gồm phân loại hệ thống, vai trò của hệ thống trong nền kinh tế và trong tổ chức, có khả năng phân tích các chiến lược kênh phân phối trong quản trị logistics, phân tích các yếu tố ảnh hưởng của hệ thống phân phối, tổ chức và điều hành mạng lưới phân phối hiệu quả; hiểu rõ các khái niệm cơ bản trong vận chuyển hàng hóa, vai trò vận tải trong tổ chức và nền kinh tế; có tư duy biện chứng và phương pháp tiếp cận phù hợp để phân tích các hoạt động của chuỗi cung ứng, cấu trúc, mô hình hoạt động, các yếu tố ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, và tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới lĩnh vực logistics.

2.21. LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Quan hệ kinh tế quốc tế, Kinh tế đối ngoại**

Học phần này là học phần tự chọn thuộc kiến thức chuyên ngành, bao gồm các buổi seminar bằng tiếng Việt và tiếng Anh về những chủ đề chuyên sâu của luật thương mại quốc tế mang tính chất thời sự và quan trọng đối với Việt Nam. Trong học phần này, sinh viên có cơ hội được tham gia và thực hành tại

các hội thảo quốc tế liên quan đến thương mại quốc tế tổ chức tại Học viện hoặc tham gia các chương trình giao lưu với sinh viên các trường đại học nước ngoài về các chủ đề của luật thương mại quốc tế.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm bắt được những kiến thức cơ bản về pháp luật trong lĩnh vực thương mại quốc tế, những quy định của Hiến pháp là cơ sở, nguyên tắc chung cho việc xây dựng các quy phạm pháp luật về thương mại, nắm bắt được các quy định của các đạo luật cụ thể điều chỉnh trực tiếp các hoạt động kinh doanh đặc biệt trong lĩnh vực quốc tế. Học phần cũng giúp sinh viên nâng cao khả năng làm việc độc lập, kết hợp làm việc nhóm thông qua các bài tập thuyết trình, mô hình giả định.

2.22. THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Quan hệ kinh tế quốc tế, Kinh tế đối ngoại**

Học phần này là học phần tự chọn thuộc kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thương mại điện tử như: tổng quan về thương mại điện tử, xu hướng phát triển của thương mại điện tử, các cơ sở để phát triển thị trường thương mại điện tử cho doanh nghiệp và nền kinh tế, các rủi ro và cách thức phòng tránh rủi ro trong thương mại điện tử, các giao dịch, phương thức và hình thức thương mại điện tử phổ biến, cách thức triển khai hoạt động thương mại điện tử dưới góc độ kinh tế và quản lý nhà nước.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể nắm vững những kiến thức nền cơ bản của thương mại điện tử, qua đó vận dụng trong công việc hoạch định chính sách, kế hoạch và tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong bối cảnh tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0. Học phần chú trọng cho sinh viên nâng cao khả năng làm việc độc lập, tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo, có kỹ năng giao tiếp tốt và đáp ứng yêu cầu thực tiễn của các tổ chức tiếp nhận.

2.23. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Quan hệ kinh tế quốc tế, Kinh tế đối ngoại**

Học phần này là học phần tự chọn thuộc kiến thức chuyên ngành nhằm tập trung trình bày một cách tổng quát về hệ thống tài chính và các thành phần của hệ thống tài chính; những kiến thức cơ bản về thị trường tài chính như cấu trúc thị trường, cơ chế hoạt động của thị trường tài chính, đặc điểm của các công cụ giao dịch trên thị trường; mối tương quan giữa lãi suất, lạm phát với các công cụ tài chính; nghiên cứu các thị trường tài chính cụ thể như thị trường tiền tệ, thị trường hối đoái, thị trường chứng khoán.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về các định chế tài chính như đặc điểm, tổ chức hoạt động, và nghiên cứu hoạt động một số định chế tài chính cụ thể như ngân hàng, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư, công ty bảo hiểm; phân tích được tình hình thị trường tài chính, xác định được những vấn đề cần thay đổi để tạo ra chính sách phù hợp; có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, trình bày về một vấn đề cụ thể trong thị trường tài chính; có kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, phát hiện, tổng hợp, phân tích và giải quyết vấn đề xuất hiện trong thị trường tài chính; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, và tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới lĩnh vực thị trường tài chính.

2.24. TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Quan hệ kinh tế quốc tế, Kinh tế đối ngoại**

Học phần này là học phần tự chọn thuộc kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về tài chính của doanh nghiệp với các nội dung nghiên cứu các quyết định chủ yếu về mặt tài chính của công ty, bao gồm các quyết định đầu tư, quyết định nguồn vốn, quyết định lựa chọn hình thức huy động vốn và quyết định phân chia cổ tức.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ được trang bị kiến thức về cách xác định nhu cầu vốn, tổ chức nguồn vốn và các hình thức huy động vốn của doanh nghiệp; nắm được mối quan hệ giữa rủi ro và lợi nhuận trong đầu tư tài chính; vận dụng được các lý thuyết và mô hình cơ bản nhất về tài chính doanh

nghiệp trên thị trường tài chính; có kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, phát hiện, tổng hợp, phân tích và tự mình ra các quyết định về tài chính; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, và tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới lĩnh vực tài chính doanh nghiệp.

2.25. ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Quan hệ kinh tế quốc tế, Kinh tế đối ngoại**

Học phần này là học phần tự chọn thuộc kiến thức chuyên ngành nhằm đề cập đến các vấn đề liên quan về lĩnh vực đầu tư quốc tế. Đó là những vấn đề như: tổng quan về đầu tư quốc tế; các hình thức đầu tư quốc tế; cách thức tổ chức hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài; đa dạng hóa hình thức đầu tư gián tiếp; chiến lược đầu tư nước ngoài của các công ty đa quốc gia; việc quy hoạch, xây dựng và quản lý các khu chế xuất, khu công nghiệp, khu kinh tế tự do; cách thức phát triển ngành công nghiệp phụ trợ và kết nối doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Ngoài ra, học phần cũng tập trung vào nội dung phân tích tác động kinh tế, chính trị, xã hội của hoạt động đầu tư quốc tế và phân tích các chiến lược, chính sách thu hút đầu tư của một số nước tiêu biểu trên thế giới.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ được trang bị kiến thức cơ bản về đầu tư quốc tế; nắm được mối quan hệ giữa rủi ro và lợi nhuận trong đầu tư quốc tế; vận dụng được các lý thuyết và mô hình cơ bản nhất để phân tích các vấn đề trong đầu tư quốc tế; có kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, phát hiện, tổng hợp, phân tích và tự mình ra các quyết định về đầu tư; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới lĩnh vực đầu tư quốc tế.

2.26. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Quan hệ kinh tế quốc tế, Kinh tế đối ngoại**

Học phần này là học phần tự chọn thuộc kiến thức chuyên ngành được thiết kế nhằm trang bị cho người học kiến thức tổng quan về thị trường chứng khoán, các hàng hóa giao dịch trên thị trường chứng khoán, thị trường chứng khoán sơ cấp, thị trường chứng khoán thứ cấp, tổ chức hoạt động của công ty chứng khoán và phân tích định giá chứng khoán.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ nắm vững các kiến thức về thị trường chứng khoán, cơ chế vận hành hoạt động và các kỹ thuật cơ bản của phân tích và định giá một số loại chứng khoán như cổ phiếu và trái phiếu. Sinh viên có thể thực hiện giao dịch trên thị trường chứng khoán cũng như thực hiện phân tích cơ bản và kỹ thuật các cổ phiếu trong quá trình đầu tư vào thị trường.

2.27. KIỂM TOÁN

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Quan hệ kinh tế quốc tế, Kinh tế đối ngoại**

Học phần này là học phần tự chọn thuộc kiến thức chuyên cung cấp những kiến thức cơ bản về kiểm toán, gồm: những khái niệm cơ bản về kiểm toán (chứng từ kiểm toán, cơ sở dẫn liệu và bằng chứng kiểm toán, hệ thống kiểm soát nội bộ, gian lận và sai sót, trọng yếu và rủi ro), các hình thức kiểm toán, phương pháp kiểm toán, trình tự kiểm toán, kiểm toán viên, tổ chức bộ máy kiểm toán, các phương pháp và kỹ thuật kiểm toán, qui trình một cuộc kiểm toán, các loại ý kiến kiểm toán, những vấn đề cơ bản về tổ chức kiểm toán nội bộ trong tổ chức.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ nắm vững những kiến thức cơ bản về nguyên lý và kỹ thuật kiểm toán, liên hệ áp dụng trong hoạch định và tổ chức công tác kiểm soát, kiểm tra kế toán trong các tổ chức, hiểu được quy trình kiểm toán mang tính chuyên nghiệp và có kiến thức nền tảng để tiếp tục nghiên cứu về kiểm toán.

2.28. TÀI CHÍNH CÔNG

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Địa kinh tế, Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1**

Học phần này là học phần tự chọn gồm thuộc kiến thức chuyên ngành trình bày những vấn đề lý luận về tài chính công như: khu vực công và lý thuyết về hiệu quả và công bằng; bản chất, chức năng và vai trò tài chính công; hàng hóa công và lý thuyết về quản lý chi tiêu công hiện đại; lập ngân sách theo đầu ra; khuôn khổ quản lý ngân sách trung hạn, lý thuyết thuế và khuôn khổ phân tích thuế hiện đại; nợ khu vực công.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể nhận thức một cách có hệ thống các vấn đề cơ bản về tài chính công trong nền kinh tế thị trường làm nền tảng để nghiên cứu các học phần thuộc chuyên ngành tài chính nhà nước: lý thuyết về tài chính công trong nền kinh tế thị trường, các bộ phận cấu thành nền tài chính công của một quốc gia; nâng cao nhận thức và có phương pháp luận cơ bản để nghiên cứu, đánh giá tài chính công - một bộ phận quan trọng của hệ thống tài chính quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Học phần cũng giúp trang bị cho sinh viên kỹ năng thu thập và áp dụng trong thực tế phân tích các vấn đề thực tế của tài chính công; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, và tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới lĩnh vực học.

2.29. CHÍNH SÁCH CÔNG

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Địa kinh tế, Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1**

Học phần này là học phần tự chọn thuộc kiến thức chuyên ngành nhằm giới thiệu một số khái niệm then chốt trong nghiên cứu chính sách công và liên hệ những khái niệm này với các vấn đề chính sách cụ thể như quy trình làm chính sách công, vai trò của nhà nước và các bên liên quan trong qui trình đó, những khái niệm then chốt bao gồm thị trường và thất bại thị trường, vai trò của thể chế và sự bình đẳng.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể nắm được những lý thuyết cơ bản về chính sách công cũng như quy trình làm chính sách để từ đó có thể áp dụng vào những vấn đề kinh tế xã hội; rèn luyện tư duy phản biện, khả năng phân tích, lập luận chặt chẽ, sự năng động và tự tin của mỗi sinh viên.

2.30. KINH TẾ PHÁT TRIỂN

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Địa kinh tế, Kinh tế đối ngoại Việt Nam**

Học phần này là học phần tự chọn thuộc kiến thức chuyên ngành cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, những lý thuyết cơ bản về phát triển kinh tế và vận dụng vào thực tiễn các nước đang phát triển; bản chất của tăng trưởng và phát triển kinh tế, những vấn đề phát triển kinh tế được đặt ra với các nước đang phát triển; tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, quan hệ giữa tăng trưởng và phúc lợi con người; các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế: lao động, vốn, công nghệ kỹ thuật; các chính sách phát triển kinh tế: chính sách phát triển nông thôn, chính sách công nghiệp hóa và sự vận dụng vào đường lối phát triển kinh tế của Việt Nam.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể hiểu và vận dụng các nội dung, quan điểm kinh tế phát triển vào hoạt động kinh tế - xã hội; củng cố thế giới quan khoa học, hình thành phương pháp luận khoa học để từ đó tiếp cận các học phần chuyên ngành khác. Học phần cũng giúp sinh viên có được phương pháp, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá những thuận lợi, khó khăn của các mô hình kinh tế tiêu biểu dựa trên lý thuyết về phát triển và các mô hình phát triển kinh tế vận dụng vào các nước đang phát triển, trên cơ sở đó đề xuất giải pháp, xây dựng ý tưởng mô hình mới đối với chính sách của Chính phủ, Nhà nước, các Bộ Ban Ngành, từ góc độ hội nhập kinh tế quốc tế, ngoại giao kinh tế, chính trị và pháp luật quốc tế. Về kỹ năng, học phần chú trọng nâng cao khả năng làm việc độc lập, kết hợp làm việc nhóm thông qua các bài tập thuyết trình, giả định đàm phán.

2.31. KINH TẾ CÔNG CỘNG

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Địa kinh tế, Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1**

Học phần này là học phần tự chọn thuộc kiến thức chuyên ngành nhằm đề cập tới nội dung phân tích các dạng thất bại của nền kinh tế thị trường, và sự can

thiệp bằng các chính sách, công cụ của chính phủ nhằm đạt được tối đa hóa phúc lợi xã hội.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể hiểu và nắm vững được các dạng thất bại thị trường, vai trò can thiệp của chính phủ để làm giảm thiểu các thất bại thị trường, qua đó phân tích sự phù hợp của các chính sách của chính phủ cũng như triển khai và đánh giá sự hợp lý của các chính sách trong thực tế. Về kỹ năng, học phần chú trọng nâng cao khả năng làm việc độc lập, kết hợp làm việc nhóm thông qua các bài tập nhóm, thuyết trình, làm tiểu luận.

2.32. KINH TẾ KHU VỰC

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Địa kinh tế, Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1**

Học phần này là học phần tự chọn thuộc kiến thức chuyên ngành đề cập tới nội dung phân tích các khu vực kinh tế và sự tham gia của nhà nước trong đó nhằm giải quyết các vấn đề về hoạch định chính sách, định hướng chiến lược phát triển, quản lý kinh tế ở các cấp độ và khu vực khác nhau trong bối cảnh hội nhập và phát triển.

Sau khi kết thúc học phần, người học có thể hiểu và nắm vững được các khu vực kinh tế, vai trò của chính phủ trong quy hoạch phát triển các vùng kinh tế, qua đó vận dụng lý thuyết kinh tế và quản lý hiện đại để phân tích các vấn đề thực tiễn trong các khu vực của nền kinh tế, đặc biệt là khu vực công. Về kỹ năng, học phần chú trọng nâng cao khả năng làm việc độc lập, kết hợp làm việc nhóm thông qua các bài tập nhóm, thuyết trình, làm tiểu luận.

2.33. CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI VIỆT NAM TỪ 1975 ĐẾN NAY

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại**

Học phần nằm trong khối kiến thức bổ trợ nhằm cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam kể từ năm 1975 đến nay, cũng như quá trình hoạch định và triển

khai chính sách đối ngoại Việt Nam thời kỳ Đổi mới; trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích chính sách đối ngoại.

Sau khi học xong học phần này, sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản về quá trình đổi mới tư duy đối ngoại, các thành tố của chính sách đối ngoại Việt Nam; có khả năng phân tích và đánh giá một vấn đề đối ngoại cụ thể của Việt Nam; có thể áp dụng phương pháp tiếp cận phù hợp để phân tích chính sách đối ngoại Việt Nam qua các giai đoạn, có khả năng trình bày về một vấn đề cụ thể trong chính sách đối ngoại. Sinh viên hình thành năng lực tự học, tích lũy kiến thức, và tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới lĩnh vực quan hệ quốc tế, có khả năng đưa ra những nhận định, đánh giá cá nhân về các vấn đề đối ngoại và có nhận thức tốt về vai trò của chính sách đối ngoại trong bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc của Việt Nam.

2.34. LỊCH SỬ QUAN HỆ QUỐC TẾ HIỆN ĐẠI (1945-NAY)

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Triết học Mác - Lenin**

Học phần thuộc nhóm kiến thức bổ trợ nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về quá trình phát triển của quan hệ quốc tế từ sau Thế chiến II đến nay cũng như những nội dung chính trong chính sách đối ngoại của một số nước, chủ yếu là các nước lớn. Học phần cũng trang bị cho sinh viên khả năng phân tích các vấn đề quốc tế hiện đại.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về các mối quan hệ giữa các nước lớn, có đủ kiến thức để áp dụng vào việc hiểu các vấn đề trong quan hệ quốc tế hiện nay và có thể phân tích và đánh giá một vấn đề quốc tế cụ thể. Sinh viên có tư duy phản biện trong việc phân tích các vấn đề quốc tế, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, trình bày về một vấn đề quốc tế cụ thể. Sinh viên có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, và tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới lĩnh vực quan hệ quốc tế và có khả năng đưa ra những nhận định, đánh giá cá nhân về các vấn đề quốc tế.

2.35. CÔNG TÁC NGOẠI GIAO

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản và hệ thống về công tác ngoại giao. Cụ thể, sinh viên được giới thiệu về những nghiệp vụ cơ bản của công tác ngoại giao như các cơ quan quan hệ đối ngoại ở trong nước và nước ngoài; công văn ngoại giao; ngoại giao kinh tế; ngoại giao văn hóa; công tác báo chí và thông tin đối ngoại; công tác lãnh sự; công tác lễ tân ngoại giao; phép lịch sự xã giao và tư tưởng, phương pháp, phong cách và nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh và được luyện tập các kỹ năng này.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản và hệ thống về công tác ngoại giao; về các nghiệp vụ ngoại giao để có thể bắt đầu nghề ngoại giao; có kỹ năng nhất định trong việc tổ chức các sự kiện ngoại giao liên quan đến công tác lễ tân ngoại giao, họp báo, ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm hay nghiên cứu một vấn đề liên quan đến nghiệp vụ ngoại giao; có khả năng tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới nghiệp vụ ngoại giao, đưa ra những ý kiến tham mưu về các vấn đề nghiệp vụ ngoại giao như lễ tân, báo chí, lãnh sự, có năng lực lập kế hoạch và dẫn dắt trong việc thực hiện các sự kiện ngoại giao.

2.36. CÔNG PHÁP QUỐC TẾ

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Lý luận về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam hoặc Pháp luật đại cương**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về khung pháp lý quốc tế và kiến thức cơ bản về một số lĩnh vực pháp luật quốc tế như luật điều ước quốc tế, thẩm quyền quốc gia, miễn trừ quốc gia, trách nhiệm quốc gia, luật biển quốc tế, luật quốc tế về biên giới lãnh thổ, luật tổ chức quốc tế, luật nhân quyền quốc tế, dân cư, quốc tịch, và giải quyết tranh chấp quốc tế.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có hiểu biết cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển, các đặc điểm chính, chủ thể và nguồn của công pháp quốc tế, cũng như một số lĩnh vực pháp luật quốc tế quan trọng.

2.37. LUẬT HIẾN PHÁP VIỆT NAM VÀ CÁC NƯỚC

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về luật hiến pháp của các hình thức nhà nước cơ bản trên thế giới như Cộng hòa đại nghị, Cộng hòa Tổng thống, Cộng hòa lưỡng tính, Quân chủ lập hiến, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa. Sinh viên sẽ được tìm hiểu cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước và hoạt động của các quốc gia như: Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Mỹ và Hiến pháp Việt Nam. Từ đó, sinh viên có khả năng tổng hợp và so sánh với các quy định của Luật Hiến pháp Việt Nam.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có hiểu biết tổng quan về hiến pháp và luật hiến pháp, phân loại hiến pháp và giám sát, thi hành, bảo vệ hiến pháp; cơ cấu lãnh thổ và chế độ chính trị; hình thức chính thể; vai trò của Đảng phái và chế độ bầu cử; nguyên thủ quốc gia, cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp; cũng như hiểu được lịch sử lập hiến Việt Nam; các chế định quan trọng của hiến pháp Việt Nam.

2.38. TRUYỀN THÔNG QUỐC TẾ

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Đã học các môn thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về truyền thông quốc tế cũng như các lý thuyết căn bản liên quan đến truyền thông quốc tế, các hoạt động truyền thông quốc tế trên thế giới và tình hình phát triển của TTQT tại Việt Nam. Theo đó, kiến thức được giảng dạy gồm các nội dung chính: khái quát về truyền thông quốc tế (bao gồm các khái niệm cơ bản, lịch sử phát triển, các đặc điểm, vai trò, chức năng của truyền thông quốc tế); lý thuyết tiếp cận

truyền thông quốc tế; giới thiệu truyền thông một số quốc gia, các tập đoàn truyền thông quốc tế tiêu biểu trên thế giới; và phần sau cùng là các vấn đề căn bản của truyền thông quốc tế tại Việt Nam.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu rõ các khái niệm cơ bản về truyền thông nói chung và truyền thông quốc tế nói riêng; phân tích được các đặc điểm của truyền thông quốc tế; hiểu và so sánh được lịch sử truyền thông quốc tế; đánh giá đầy đủ về vai trò, chức năng của truyền thông quốc tế. Sinh viên cũng có thể áp dụng các lý thuyết trong phân tích các hoạt động truyền thông quốc tế và toàn cầu, giúp tạo dựng kỹ năng phân tích và phản biện về chính sách và hoạt động truyền thông quốc tế. Từ đó, sinh viên có thể tự phân loại các hoạt động truyền thông, tự thiết kế cách nghiên cứu chuyên đề về truyền thông quốc tế. Ngoài ra, sinh viên cũng sẽ tự rút ra bài học để hình thành thái độ tích cực, tiếp thu có chọn lọc trên cơ sở phân tích các dòng thông tin trên truyền thông quốc tế. Qua đó trau dồi bản lĩnh chính trị vững vàng, kỹ năng phân tích tin tức truyền thông để áp dụng trong công việc sau này.

2.39. NGOẠI GIAO VĂN HÓA

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Đã học các môn thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương**

Học phần Ngoại giao Văn hóa cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về: các nội dung cơ bản của ngoại giao văn hóa; cơ sở thực tiễn của ngoại giao văn hóa; cơ sở lý luận của ngoại giao văn hóa; các công cụ của ngoại giao văn hóa (chủ yếu là công cụ truyền thông đại chúng và công cụ văn hóa đại chúng); và các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về ngoại giao văn hóa.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu rõ khái niệm ngoại giao văn hóa; phân biệt ngoại giao văn hóa với ngoại giao công chúng; nhận biết về sự cần thiết và lợi ích của việc sử dụng văn hóa như sức mạnh mềm; hiểu được lịch sử của ngoại giao văn hóa; phân tích, so sánh, đối chiếu các học thuyết về ngoại giao văn hóa; áp dụng cơ chế chuyển hóa thông tin và cơ chế chuyển hóa văn

hóa thành sức mạnh vào thực tiễn; hiểu được quan điểm, mục tiêu, chủ thể, công cụ của ngoại giao văn hóa Việt Nam; áp dụng kỹ năng giao tiếp liên văn hóa, tác nghiệp ngoại giao, kỹ năng quảng bá và tuyên truyền văn hóa đối ngoại, kỹ năng sử dụng văn hóa cho mục tiêu ngoại giao vào thực tiễn và hình thành ý thức tự hào về ngoại giao văn hóa Việt Nam, lòng trung thành với lợi ích quốc gia, dân tộc trong lĩnh vực văn hóa đối ngoại.

3. KIẾN THỨC NGOẠI NGỮ

3.1. TIẾNG ANH CƠ SỞ I

Số tín chỉ: **04**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

* *Đối với các trường hợp có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương B1 (5.5 IELTS), sinh viên có thể làm đơn đổi điểm theo Quy định của Khoa tiếng Anh.*

Học phần là cơ sở để sinh viên phát triển 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc và Viết phục vụ giao tiếp ở mức độ trung cấp. Học phần nhằm giúp sinh viên giao tiếp hiệu quả trong hầu hết các tình huống hàng ngày, nắm được ý chính của các bài đọc có độ dài trung bình về một chủ đề quen thuộc dễ đoán, sử dụng từ vựng tiếng Anh hiệu quả để viết được đoạn văn ngắn với chủ đề thông thường và có thể nghe hiểu ý chính và nắm được thông tin trong các đoạn hội thoại với các chủ đề đời sống hàng ngày.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể sử dụng tiếng Anh ở mức độ trung bình để giao tiếp trong các tình huống hàng ngày với các chủ đề quen thuộc, có thể hình thành kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh và xây dựng thái độ tích cực và niềm yêu thích đối với việc học ngoại ngữ.

3.2. TIẾNG ANH CƠ SỞ II

Số tín chỉ: **04**

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh cơ sở I**

* *Đối với các trường hợp có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương B2 (6.0 IELTS), sinh viên có thể làm đơn đổi điểm theo Quy định của Khoa tiếng Anh.*

Học phần giúp sinh viên tiếp tục phát triển 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết phục vụ cho mục đích học thuật. Học phần nhằm củng cố và nâng cao khả năng giao tiếp của sinh viên từ mức độ trung bình tới phức tạp, giúp sinh viên hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Sinh viên có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ; có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể sử dụng tiếng Anh ở mức độ trung cấp bậc 4/6 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

3.3. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO I

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh cơ sở I và II** (không áp dụng đối với những sinh viên được miễn học Tiếng Anh cơ sở I và II)

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các cách tiếp cận cơ bản khi đọc các bài báo từ các tạp chí quốc tế và nghe các đoạn tin tức thời sự từ các kênh truyền thanh nổi tiếng thế giới, qua đó hình thành phương pháp tìm tài liệu và phân tích tình hình, các vấn đề quốc tế. Học phần cũng tập trung vào việc đọc hiểu các bài báo của tờ International Herald Tribune và nghe hiểu các đoạn tin tức và bình luận ở tốc độ chậm trên chương trình Special English của VOA/BBC, kết hợp với các giờ thảo luận, phân tích dựa trên các chủ đề của giáo trình cũng như các vấn đề nổi bật của tình hình quốc tế.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể tiếp thu các nội dung kiến thức và kỹ năng thông qua bộ hệ thống các câu hỏi, đề tài thuyết trình, từ đó vận dụng được khái từ vựng cơ bản chuyên ngành ngoại giao. Về mặt kiến thức, sinh viên nắm vững các từ ngữ, thuật ngữ, các thành ngữ cơ bản của chuyên ngành ngoại giao và các vấn đề toàn cầu bằng tiếng Anh.

3.4. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO II

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại giao I**

Học phần tiếp tục cung cấp cho sinh viên các phương pháp tiếp cận khi đọc các bài báo từ các tạp chí quốc tế và nghe các đoạn tin tức thời sự từ các kênh truyền thanh phổ biến thế giới, từ đó biết cách tìm tài liệu phù hợp và phân tích các vấn đề quốc tế. Học phần tập trung vào các bài báo của tờ International Herald Tribune theo các chủ đề phong cách sống, nghệ thuật, giải trí, công nghệ, khoa học và sức khỏe, cũng như nghe hiểu các đoạn tin tức và bình luận ở tốc độ chậm trên chương trình Special English của VOA/BBC, kết hợp với các buổi thảo luận, phân tích dựa trên các chủ đề của giáo trình cũng như các vấn đề thời sự quốc tế nổi bật.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể vận dụng được khái niệm đa dạng theo các chủ đề đã học. Về mặt kiến thức, sinh viên hiểu được và sử dụng các từ ngữ, thuật ngữ, các thành ngữ cơ bản và chuyên ngành bằng tiếng Anh trong lĩnh vực thời sự quốc tế, vấn đề toàn cầu. Về mặt kỹ năng, sinh viên sẽ được nâng cao các kỹ năng tiếp thu và trình bày vấn đề trong bối cảnh rộng hơn.

3.5. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO III

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại giao II**

Học phần tiếp tục cung cấp cho sinh viên các cách tiếp cận cơ bản khi đọc các bài báo từ các tạp chí quốc tế và nghe các đoạn tin tức thời sự từ các kênh truyền thanh nổi tiếng thế giới, qua đó hình thành và phát triển phương pháp tìm tài liệu và phân tích tình hình quốc tế. Học phần tập trung vào việc phân tích các bài báo về chủ đề ngoại giao từ các tờ báo có tên tuổi trên thế giới như The Guardian Weekly, The Economist, The New York Times, v.v. Học phần cũng tập trung vào nghe các đoạn tin có tốc độ trung bình trên các kênh truyền thanh

như VOA và BBC. Học phần bao gồm các giờ thảo luận dựa trên các chủ đề của giáo trình cũng như các vấn đề nổi bật của tình hình quốc tế tại thời điểm đó.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về các vấn đề chính trị, an ninh, kinh tế, văn hoá, xã hội, luật pháp, khoa học, công nghệ cũng như các vấn đề của ngành ngoại giao và các vấn đề toàn cầu. Sinh viên có thể khai thác và thảo luận nội dung các tin/bài được đăng tải trên các báo/chương trình phát thanh tiếng Anh về các chủ đề đã học hoặc các vấn đề nổi bật của tình hình quốc tế tại thời điểm đó.

3.6. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO IV

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại giao III**

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức sâu rộng về ngoại giao và các vấn đề toàn cầu trong mọi lĩnh vực. Sinh viên sẽ đọc, nghe, thảo luận và trình bày xung quanh nội dung các tin/bài được đăng tải trên các báo/chương trình phát thanh bản ngữ ở tốc độ nhanh. Sinh viên tiếp tục được trang bị các kỹ năng mới như đọc để rút ra ý chính, suy luận để tìm ra được những nội dung liên quan trong bài báo, nghe để rút ra được ý chính cho cả đoạn tin, kỹ năng tóm tắt đoạn tin.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể xác định vấn đề thời sự, so sánh đối chiếu và biện luận những nhân tố tác động đến các sự kiện quốc tế; có khả năng xây dựng lại một sự kiện, hay một đoạn tin dựa trên những phân tích, lập luận trong quá trình đọc hiểu, nghe hiểu tin tức đó; có khả năng sắp xếp ý, tổng hợp vấn đề, phân tích có chiều sâu một vấn đề thuộc lĩnh vực quan hệ quốc tế (chính trị, kinh tế, ngoại giao đa phương, song phương).

3.7. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO V

Số tín chỉ: 04

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại giao IV**

Học phần tiếp tục cung cấp cho sinh viên các cách tiếp cận nâng cao khi đọc các bài báo từ các tạp chí quốc tế và nghe các đoạn tin tức thời sự và bình

luận theo những chủ đề thuộc chuyên ngành ngoại giao từ các kênh truyền thanh nổi tiếng thế giới, qua đó hình thành và phát triển phương pháp tìm tài liệu và phân tích tình hình quốc tế. Học phần tập trung vào việc phân tích các bình luận về chủ đề ngoại giao từ các tờ báo có tên tuổi trên thế giới như The Guardian Weekly, The Economist, The Diplomat, the New York Times, ... Đối với kỹ năng đọc hiểu, người học sẽ vận dụng được toàn bộ các kỹ năng đã được học ở các học phần trước để có thể hiểu sâu nội dung của bài bình luận, đồng thời người học cũng sẽ được trang bị các kỹ năng và kiến thức để vận dụng vào viết một bài tóm tắt hoàn chỉnh về nội dung bài đọc, bình luận. Với kỹ năng nghe hiểu, học phần tiếp tục tập trung vào nghe các đoạn tin, bài bình luận có tốc độ nhanh trên các kênh truyền thanh nổi tiếng thế giới như VOA và BBC.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nắm được kiến thức sâu hơn về các vấn đề thuộc chuyên ngành ngoại giao; sinh viên có thể tái tạo lại bản tin bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Sinh viên sẽ có khả năng trình bày quan điểm của mình về vấn đề tác giả nêu trong bài bình luận: đồng tình hoặc không đồng tình với quan điểm của tác giả.

4. HỌC PHẦN KỸ NĂNG

4.1. NGOẠI GIAO KINH TẾ

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Quan hệ kinh tế quốc tế, Kinh tế đối ngoại Việt Nam**

Học phần này là học phần kỹ năng, cung cấp kiến thức và nội dung cơ bản về ngoại giao kinh tế. Học phần sẽ tập trung vào các vấn đề chung trong ngoại giao kinh tế, đường lối và chính sách của Việt Nam về ngoại giao kinh tế, thực trạng công tác ngoại giao kinh tế ở Việt Nam và kinh nghiệm thúc đẩy ngoại giao kinh tế của một số nước trên thế giới.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ nắm bắt được các kiến thức cơ bản của ngoại giao kinh tế và cách vận dụng kiến thức để triển khai trong công tác thực tiễn; các kỹ năng như đọc tài liệu, làm việc nhóm, thuyết trình và viết báo cáo; ý thức tự giác, tinh thần tự học của sinh viên.

4.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC KINH TẾ

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Quan hệ kinh tế quốc tế**

Học phần này là học phần kỹ năng tập trung cung cấp các phương pháp nghiên cứu kinh tế, phương pháp xây dựng lập luận trong kinh tế, kỹ năng viết, cách trình bày hình thức và trích dẫn trong nghiên cứu khoa học kinh tế.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể nắm bắt các khái niệm và nội dung cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học; vận dụng kiến thức để triển khai trong công tác thực tiễn, đặc biệt trong việc làm các tiểu luận và khóa luận tốt nghiệp. Các kỹ năng cần có để hoàn thành học phần này bao gồm kỹ năng đọc tài liệu, làm việc nhóm, thuyết trình và viết báo cáo. Học phần này yêu cầu cao ý thức tự giác, tinh thần tự học của sinh viên.

4.3. KỸ NĂNG QUẢN LÝ VÀ LÃNH ĐẠO

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh cơ sở I, II**

Học phần này là học phần tự chọn thuộc Khối học phần kỹ năng nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức, khái niệm cơ bản về lãnh đạo và quản lý, giúp người học phân biệt được hai khái niệm lãnh đạo và quản lý, hiểu được những phẩm chất và năng lực cần cho nhà lãnh đạo và nhà quản lý. Nội dung khóa học tập trung phân tích và thảo luận về tiến trình, cấu trúc và nguồn gốc của lãnh đạo từ đó giúp người học có thể trau dồi và phát triển các kỹ năng lãnh đạo và quản lý của mình.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể phân biệt được hai khái niệm lãnh đạo và quản lý, hiểu được những phẩm chất và năng lực cần cho nhà lãnh đạo và nhà quản lý và áp dụng được kiến thức lãnh đạo và quản lý vào thực tế.

4.4. KỸ NĂNG VIẾT BÁO CÁO

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh cơ sở I và II, Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế**

Học phần này là học phần tự chọn thuộc Khối học phần kỹ năng giúp người học bước đầu làm quen và nắm vững cách viết một số loại báo cáo bằng tiếng Anh thường gặp trong công việc một cách chính xác, ngắn gọn và đầy đủ. Các kiến thức và kỹ năng bao gồm: nắm rõ mục đích của viết báo cáo; chọn loại báo cáo phù hợp với mục đích và nội dung; viết đề cương tóm tắt cho báo cáo; chọn nội dung cho báo cáo; chỉnh sửa bản sơ thảo.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể hiểu về các loại báo cáo, áp dụng được cách viết báo cáo đầy đủ nội dung phù hợp với mục đích và ý nghĩa của bản báo cáo.

4.5. TƯ DUY PHẢN BIỆN

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh cơ sở I và II, Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế**

Học phần này là học phần tự chọn thuộc Khối học phần kỹ năng cung cấp kỹ năng thiết yếu trong mọi lĩnh vực trong xã hội hiện đại. Để có thể hoàn thành hiệu quả công việc trong tương lai, ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, sinh viên cần được rèn luyện và phát triển tư duy phản biện trong các học phần, đặc biệt là khi viết các bài tự luận, tiểu luận, báo cáo, nghiên cứu hay tham gia các buổi hội thảo, thảo luận, ...

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể suy nghĩ một cách rõ ràng và hợp lý; có khả năng nhận ra sự liên quan và kết nối lôgic giữa những ý tưởng; xác định, xây dựng và đánh giá các lập luận; phát hiện các mâu thuẫn và sai lầm phổ biến trong lập luận; giải quyết vấn đề một cách hệ thống. Mặc dù các kỹ năng của tư duy phản biện có thể được sử dụng trong việc bác bỏ những ngụy biện và lập luận xấu nhưng không nên hiểu tư duy phản biện là tranh cãi hay phê phán người khác. Tư duy phản biện đóng vai trò quan trọng trong lập luận mang tính xây dựng. Nó giúp người học có thêm kiến thức và thúc đẩy những tranh luận. Nắm bắt, rèn luyện và vận dụng tốt tư duy phản biện, sinh viên có thể nâng

cao kết quả học tập, hiệu quả nghiên cứu, có hiểu biết sâu rộng hơn, làm tiền đề cho công việc trong tương lai.

5. KIẾN THỨC TỐT NGHIỆP

5.1. HƯỚNG NGHIỆP

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Quan hệ kinh tế quốc tế, Kinh tế đối ngoại Việt Nam**

Hướng nghiệp là hoạt động bắt buộc trong chương trình học Cử nhân Kinh tế quốc tế. Trong học kỳ 7, trước khi sinh viên đi thực tập tốt nghiệp, Nhà trường và Khoa sẽ tổ chức các buổi hướng nghiệp dưới nhiều hình thức: hội thảo việc làm, gặp gỡ các đơn vị tuyển dụng, cố vấn học tập cá nhân của giảng viên cho sinh viên, tổ chức các hoạt động trong nhóm Alumni của trường...

Qua chuỗi các hoạt động hướng nghiệp, sinh viên hiểu rõ năng lực, khả năng, sự phù hợp và đáp ứng với thị trường công việc của bản thân, xác định rõ công việc cụ thể mà mình có khả năng và yêu thích tham gia. Đây là các hoạt động chuẩn bị cho kỳ thực tập tốt nghiệp sau đó.

5.2. THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: **Quan hệ kinh tế quốc tế, Kinh tế đối ngoại Việt Nam**

Học phần này thuộc khối kiến thức tốt nghiệp, bao gồm việc liên hệ, làm công tác chuẩn bị các thủ tục giấy tờ và đến các cơ quan đơn vị làm việc chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế quốc tế để vận dụng những kiến thức và kỹ năng được học vào thực tế nghề nghiệp.

Qua học phần này, sinh viên áp dụng những kiến thức đã học trong 4 năm học để tìm hiểu, nắm bắt những hoạt động của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp...; thâm nhập, nắm bắt và nghiên cứu thực tiễn trên các mặt như: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội..., vận dụng những kiến thức đã học để thực hành kỹ năng hoạt động nghề nghiệp trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính quốc tế, xuất nhập khẩu. Đồng thời, qua đợt thực tập này, sinh viên sẽ xác định cụ thể hơn vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; xây dựng và hiện thực hóa mối quan hệ với các cơ quan, tổ

chức, đơn vị, doanh nghiệp; xây dựng nền tảng để hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.

5.3. TỐT NGHIỆP

Sinh viên lựa chọn một trong hai hình thức học Viết khóa luận hoặc hoàn thành xong học phần Phương pháp thực hành nghiên cứu khoa học và viết Báo cáo thu hoạch thực tập tốt nghiệp. Cụ thể:

5.3.1. KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Số tín chỉ: 10

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên hoàn thành đầy đủ các học phần theo quy định, không còn nợ học phần nào

Học phần này là học phần tự chọn có điều kiện thuộc khối kiến thức tốt nghiệp, được thiết kế nhằm giúp sinh viên hệ thống lại toàn bộ kiến thức đã học trong toàn khóa, trên cơ sở đó vận dụng vào giải quyết một vấn đề thực tiễn đặt ra ở một địa bàn cụ thể, dưới sự hướng dẫn của 1 giảng viên. Học phần giúp hình thành cho người học kỹ năng nghiên cứu khoa học và giải quyết một vấn đề thực tiễn đặt ra.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã tích lũy trong toàn khóa học, ứng dụng vào giải quyết một vấn đề thực tiễn trong phạm vi chuyên ngành Kinh tế quốc tế, trình bày dưới dạng một đề tài khoa học theo quy định về viết khóa luận của Học viện Ngoại giao.

5.3.2. PHƯƠNG PHÁP THỰC HÀNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên hoàn thành đầy đủ các học phần theo quy định, không còn nợ học phần nào

Đây là học phần lựa chọn thuộc khối kiến thức tốt nghiệp của sinh viên. Sinh viên thực hiện công việc dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên sẽ tìm hiểu, khảo sát, thu thập thông tin, số liệu tại nơi mình đang thực tập theo hướng dẫn của giảng viên phối hợp với cấp trên trực tiếp tại đơn vị sinh viên thực tập. Dựa vào đó, sinh viên sẽ phân tích, nhìn nhận thực trạng cũng như xác

định những điểm mạnh cũng như các vấn đề tồn tại của đơn vị mình đang thực tập.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên áp dụng những kiến thức đã học trong 4 năm học để tìm hiểu, nắm bắt những hoạt động của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; thâm nhập, nắm bắt và nghiên cứu thực tiễn trên các mặt như: chiến lược, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đối với đơn vị đang thực tập về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội v.v. ; vận dụng những kiến thức đã học để thực hành kỹ năng hoạt động nghề nghiệp trong các lĩnh vực đối ngoại, kinh tế quốc tế, nghiệp vụ xuất nhập khẩu.

5.3.3. ĐỀ ÁN THỰC TẬP

Số tín chỉ: 07

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên hoàn thành đầy đủ các học phần theo quy định, không còn nợ học phần nào.

Học phần này là học phần không giảng trên lớp học. Các sinh viên sau khi đã học xong các học phần bắt buộc thuộc kiến thức ngành sẽ được hướng dẫn phương pháp thực hành nghiên cứu khoa học. Sau đó sinh viên cần đi thực tập tại một tổ chức tùy chọn để viết báo cáo thực tập tổng hợp có độ dài tối thiểu 20 trang về thực trạng trải nhiệm trong quá trình thực tập. Bên cạnh đó, sinh viên cũng sẽ cần hoàn thành bài thu hoạch thực tập tốt nghiệp có độ dài tối thiểu 40 trang, trong đó phân tích, đánh giá, xác định vấn đề của đơn vị thực tập để đưa ra giải pháp theo định hướng nghiên cứu của giảng viên hướng dẫn. Bản đề án thực tập này sẽ được sinh viên nộp vào cuối kì học cho giảng viên hướng dẫn và cho cấp trên của đơn vị nơi sinh viên thực tập.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng quan sát, phân tích, đặt vấn đề và nhận xét vấn đề, lập ra 1 báo cáo dưới dạng thu hoạch trong đó phân tích những số liệu, đánh giá, cảm nhận trực quan mà mình đã thu lượm được để làm cơ sở cho đánh giá thực tế và đưa ra các đề xuất giải pháp cho vấn đề. Ngoài ra, sinh viên sẽ xác định cụ thể hơn vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; xây

dựng và hiện thực hóa mối quan hệ với các doanh nghiệp, đơn vị, cơ quan tổ chức; xây dựng nền tảng để hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2020

PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



TS. Phạm Lan Dung

TRƯỞNG KHOA

PGS. TS. Đặng Hoàng Linh